BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Yến

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Văn Tưởng

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH 1TV CẦU, PHÀ QUẢNG NINH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Yến
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Văn Tưởng

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Yến Mã SV: 1213401018

Lớp: QTL601K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH 1TV cầu, phà Quảng Ninh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

   - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

   - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH một thành viên cầu, phà Quảng Ninh

   - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH một thành viên cầu, phà Quảng Ninh

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

   - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp

   - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp

   - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH một thành viên cầu, phà Quảng Ninh, sử dụng số liệu năm 2012.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

   - Công ty TNHH một thành viên cầu, phà Quảng Ninh

   - Địa chỉ: Số 1A - Lê Thánh Tông – Hạ Long – Quảng Ninh

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. **Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
   - Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
   - Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
   - Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp
2. **Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):**
   - Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
   - Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán tập hợp CPSX và tính giá thành SP tại công ty TNHH một thành viên cầu, phà Quảng Ninh
   - Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.
3. **Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**
   - Điểm số: ……
   - Điểm chữ:……. điểm.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tưởng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tưởng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH 1TV cầu, phà Quảng Ninh

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 3
1.1Những vấn đề chung về xây lắp 3
1.1.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp có ảnh hưởng đến công tác hạch toán kế toán. 3
1.1.2 Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp 4
1.2 Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 5
1.2.1 Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất 5
1.2.1.1 Chi phí sản xuất 5
1.2.1.2 Phân loại chi phí sản xuất 5
1.2.2 Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm 6
1.2.2.1 Khái niệm 6
1.2.2.2 Phân loại giá thành sản phẩm 7
1.2.3 Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 8
1.3 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. 8
1.3.1 Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong xây lắp. 8
1.3.2 Kế toán chi phí sản xuất trong đơn vị xây lắp. 9
1.3.2.1 Phương pháp tập hợp chi phí. 9
1.3.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất 10
1.3.3 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất 17
1.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất 18
1.5 Tính giá thành sản phẩm 21
1.6 Hình thức sổ kế toán trong doanh nghiệp xây lắp 22
1.6.1 Hình thức nhật ký sổ cái: 22
1.6.2 Hình thức nhật ký chung 23
1.6.3 Hình thức chứng từ ghi sổ 24
1.6.4 Hình thức nhật ký chứng từ 25
1.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính 26

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TYTNHH 1 THÀNH VIÊN CẦU, PHÀ QUẢNG NINH..... 27
2.1 Khái quát chung về tình hình công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh 27
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển. 27
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh chính..... 27
2.1.3 Đặc điểm quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH 1 thành viên quản lý cầu, phà Quảng Ninh 28
2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh. 28
2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và chế độ của Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh 30
2.1.5.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh 30
2.1.5.2 Chế độ kế toán đang áp dụng tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh. 31
2.1.5.3 Tổ chức hệ thống sổ kế toán 31
2.2 Thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sản xuất tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh 33
2.2.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất 33
2.2.2 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm của Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh..... 33
2.2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 33
2.2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp 45
2.2.2.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công 53
2.2.2.4 Kế toán chi phí sản xuất chung: 64
2.2.2.5 Tính giá thành sản phẩm hoàn thành: 72
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP & KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẦU, PHÀ QUẢNG NINH..... 76
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh. 76
3.1.1 Đánh giá chung về công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh..... 77
3.1.2 Những tồn tại và nguyên nhân: 79

3.1.2.1Về quá trình luân chuyển chứng từ: 79
3.1.2.2 Mô hình kế toán: 79
3.1.2.3 Về kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 79
3.1.2.4 Kế toán chi phí NCTT 80
3.1.2.5 Về cán bộ kế toán trong công ty: 80
3.2 Sự cần thiết của việc hoàn thành công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. 80
3.3 Một số kiến nghị và đề xuất. 81
3.3.1. Kiến nghị 1: Về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh 81
3.3.2. Kiến nghị 2: Tiến hành trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp: 82
3.3.3. Kiến nghị 3: Về việc lập sổ sách theo đúng chuẩn mực 83
3.3.4. Kiến nghị 4: Hạch toán chi phí nguyên vật liệu 83
3.3.5. Kiến nghị 5: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất. 84
3.3.6. Kiến nghị 6: Về việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí sử dụng máy thi công: 86
KẾT LUẬN 88
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 89
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT 90
PHỤ LỤC. 91

LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng, nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp chỉ có hai con đường hoặc là tiếp tục cố gắng để tồn tại và phát triển, hoặc là phá sản và tự loại mình ra hỏi cuộc chơi đầy khó khăn, thử thách này. Để đứng vững trên thị trường doanh nghiệp phải nỗ lực không ngừng nhằm hoàn thiện, tạo ra ưu thế cạnh tranh, biết phát huy thế mạnh của bản thân, đồng thời phải luôn học hỏi và biết nắm bắt thời cơ trong kinh doanh. Việc Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), nền kinh tế chuyển đổi với rất nhiều chính sách mở cửa đã mang lại rất nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Cùng với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác, xây dựng cơ bản góp phần rất lớn vào sự phát triển chung của toàn xã hội, tạo ra cơ sở vật chất, kỹ thuật, của cải cho nền kinh tế quốc dân. Ngành xây dựng cơ bản có tính chất đặc thù, riêng biệt, thu hút rất nhiều vốn đầu tư nhưng cũng có tỷ lệ thất thoát lớn.

Để quản lý chặt chẽ vốn đầu tư tránh tình trạng sử dụng lãng phí đồng thời tạo ưu thế cạnh tranh trên thị trường đòi hỏi doanh nghiệp cần phải có tầm nhìn chiến lược và phải có những giải pháp hiệu quả. Một trong những giải pháp hữu hiệu mà doanh nghiệp sử dụng để giải quyết được các vấn đề nêu trên là tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Do vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán, trong đó kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong nội dung quan trọng, gắn liền với việc đánh giá và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh, nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị, em đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và lựa chọn đề tài: ***"Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh"*** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Mục tiêu của khóa luận là vận dụng lý luận về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đã học ở trường vào nghiên cứu thực tiễn tại Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh.

Nội dung khóa luận được kết 3 chương:

+ ***Chương 1:*** Cơ sở lý luận của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong đơn vị xây lắp.

+ ***Chương 2:*** Thực trạng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh.

+ ***Chương 3:*** Đánh giá thực trạng và một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh.

Do hạn chế về thời gian, mặc dù em có nhiều cố gắng nhưng bài viết không tránh khỏi những sai sót. Em kính mong thầy cô giáo nhận xét và đóng góp ý kiến để em bổsung, hoàn thiện kiến thức chuyên môn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1 Những vấn đề chung về xây lắp

1.1.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp có ảnh hưởng đến công tác hạch toán kế toán.

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất công nghiệp, nhằm tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế quốc dân, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngành sản xuất có đặc điểm sau:

-Sản phẩm xây lắp là các công trình, vật kiến trúc,….thuộc kết cấu hạ tầng của nền kinh tế quốc dân có quy mô và giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài...Ngoài ra, có nhiều phương thức thi công sản phẩm xây lắp khác nhau dẫn đến giá thành công trình khác nhau. Do đó việc tổ chức quản lý và hạch toán nhất thiết phải có các dự toán thiết kế, thi công.

-Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo phương thức đặc biệt là theo giá trị dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư từ trước. Do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm không rõ ràng yếu tố thị trường tác động bị hạn chế.

-Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất (xe máy, thiết bị thi công, người lao động...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Mặt khác, hoạt động xây dựng cơ bản thường tiến hành ngoài trời nên chịu ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, thời tiết. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp, dễ bị mất mát, hư hỏng làm tăng chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, chu kì sản xuất của đơn vị xây lắp thường rất dài, chi phí phát sinh thường xuyên trong khi doanh thu chỉ phát sinh ở từng thời điểm nhất định. Do đó, kỳ tính giá thành ở các đơn vị xây lắp thường được xác định theo kỳ sản xuất.

+Tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta hiện nay phổ biến theo phương thức "khoán gọn" các công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp (đội, xí nghiệp...). Trong giá khoán gọn, không chỉ có tiền lương mà còn có đủ các chi phí về vật liệu, công cụ, dụng cụ thi công, chi phí chung của bộ phận nhận khoán.

+Giá thành công trình xây lắp không bao gồm giá trị bản thân thiết bị do chủ đầu tư đưa vào để lắp đặt mà chỉ bao gồm những chi phí do doanh nghiệp xây lắp bỏ ra có liên quan đến xây lắp công trình. Giá thành công tác xây dựng và lắp đặt kết cấu bao gồm giá trị vật kết cấu và giá trị thiết bị kèm theo như các thiết bị vệ sinh, thông gió, thiết bị sưởi ấm, điều hoà nhiệt độ, thiết bị truyền dẫn...

Những đặc điểm hoạt động kinh doanh, đặc điểm sản phẩm, đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý ngành nói trên phần nào chi phối công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp, dẫn đến những khác biệt nhất định. Tuy nhiên, về cơ bản, việc hạch toán các phần hành kế toán trong doanh nghiệp xây lắp cũng tương tự như doanh nghiệp công nghiệp. Những đặc điểm trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức công tác hạch toán kế toán trên cơ sở tuân thủ chế độ kế toán nhưng cũng phải phù hợp với đặc điểm đặc thù của hoạt động kinh doanh xây lắp để đảm bảo chất lượng công tác kế toán, cung cấp kịp thời những thông tin cho quản lý.

1.1.2 Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp

Theo quy định về lập dự toán công tác xây dựng, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp có những đặc điểm sau:

+Kế toán chi phí sản xuất nhất thiết phải được phân tích theo từng khoản mục chi phí, từng hạng mục công trình, từng công trình cụ thể để thường xuyên so sánh, kiểm tra việc thực hiện dự toán chi phí. Qua đó xem xét nguyên nhân vượt thụt dự toán và đánh giá hiệu quả kinh doanh.

+Ngoài ra, do đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là công trình, hạng mục công trình, đơn đặt hàng,… nên phải lập dự toán chi phí và tính giá thành theo từng hạng mục công trình hay giai đoạn của hạng mục. Tùy theo đối tượng tập hợp chi phí sản xuất mà lựa chọn phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp cho phù hợp.

+Giá thành công trình lắp đặt thiết bị không bao gồm giá trị bản thân thiết bị do chủ đầu tư đưa vào để lắp đặt mà chỉ bao gồm những chi phí do doanh nghiệp xây lắp bỏ ra có liên quan đến xây lắp công trình.

+Giá thành công tác xây dựng và lắp đặt kết cấu bao gồm giá trị vật kết cấu và giá trị thiết bị kèm theo như thiết bị sưởi, điều hòa nhiệt độ…

1.2 Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.2.1 Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

1.2.1.1 Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp là toàn bộ chi phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng tiền.

Chi phí sản xuất gồm nhiều loại, nhiều yếu tố nhưng quy lại bao gồm chi phí lao động sống là những chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương. Chi phí về lao động vật hóa là những chi phí như: nguyên vật liệu, khấu hao tài sản cố định,… Tùy theo mục đích quản lý và hạch toán mà doanh nghiệp phải lựa chọn cách phân loại, tiêu thức phân loại và chi phí cho phù hợp.

1.2.1.2 Phân loại chi phí sản xuất

a, Theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm.

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất bao gồm:

+Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu,.. tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

+Chi phí nhân công trực tiếp: Gồm chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp của những người tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất hay thực hiện lao vụ và dịch vụ.

+Chi phí sản xuất chung: Là những chi phí dùng cho hoạt động sản xuất chung của phân xưởng, đội sản xuất như chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu dùng chung cho phân xưởng…

+Chi phí máy thi công: là các chi phí liên quan đến hoạt động của máy thi công (chi phí vật liệu cho máy hoạt động, chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp, tiền công của công nhân trực tiếp điều khiển máy, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe,
máy thi công,..) chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ khác phục vụ cho xe, máy thi công.

+Chi phí quản lý doanh nghiệp: gồm chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền lương và các khoản phụ cấp… của các nhân viên quản lý doanh nghiệp, dụng cụ quản lý, vật liệu dùng cho quản lý.

+Chi phí bán hàng: gồm chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm (đóng gói, bảo quản vận chuyển…)

=>Việc phân loại theo tiêu thức trên thích hợp cho từng ngành sản xuất. Thông qua cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp thấy rõ:

-Tình hình năng suất lao động thông qua sự biến động của tiền lương trong cơ cấu giá thành sản phẩm.

-Tình hình quản lý chi phí và việc tổ chức quản lý chi phí.

b, Theo nội dung kinh tế:

Theo cách phân loại này CPSX được chia thành các loại như sau:

+Nguyên liệu, vật liệu: Gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, phụ,… sử dụng vào sản xuất kinh doanh.

+Nhiên liệu động lực: Gồm giá trị vật tư xăng dầu…sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+Tiền lương và các khoản trích theo lương: phản ánh tổng số tiền lương và các khoản trích theo lương phải trả cho cán bộ công nhân viên chức.

+Khấu hao tài sản cố định: Phản ánh tổng số khấu hao tài sản cố định phải trích trong kỳ của các tài sản cố định sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh.

+Chi phí khác bằng tiền: bao gồm toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố trên phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

=>Việc áp dụng tiêu thức phân loại chi phí trên cho phép cơ quan quản lý cấp trên dễ dàng kiểm tra chi phí sản xuất của doanh nghiệp, tính nhu cầu vốn lưu động, hao phí vật chất và thu nhập quốc dân…

1.2.2 Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

1.2.2.1 Khái niệm

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Giá thành có 2 chức năng chủ yếu là thước đo bù đắp chi phí và chức năng giá. Toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm phải được bù đắp bằng số tiền thu về tiêu thụ sản phẩm. Song, việc bù đắp những chi phí đầu vào mới chỉ đảm bảo được quá trình tái sản xuất giản đơn. Trong khi đó mục đích và nguyên tắc kinh doanh trong cơ chế thị trường là tái sản xuất mở rộng, đảm bảo mọi chi phí đầu vào và có lãi. Vì vậy, để đáp ứng

các yêu cầu quản lý, kế hoạch hạ giá thành được xem xét phân loại dưới nhiều góc độ khác nhau.

1.2.2.2 Phân loại giá thành sản phẩm

**Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành*

Theo cách phân chia này thì chi phí được chia thành giá thành dự toán, giá thành kế hoạch, và giá thành thực tế.

+Giá thành dự toán: là chỉ tiêu giá thành được xây dựng trên cơ sở thiết kế kỹ thuật đã được duyệt, các định mức kinh tế kỹ thuật do Nhà nước quy định, tính theo đơn giá tổng hợp cho từng khu vực thi công và phân tích định mức.

Căn cứ vào giá trị dự toán, ta có thể xác định giá thành của sản phẩm xây lắp được xác định theo công thức:

Giá thành dự toán = Giá trị dự toán – Lãi định mức

Trong đó:

- Lãi định mức trong XDCB được nhà nước quy định trong từng thời kỳ
- Giá trị dự toán xây lắp được xây lắp được xác định dựa vào định mức của các cơ quan có thẩm quyền.

+Giá thành kế hoạch: giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch. Chỉ tiêu này được xác lập trên cơ sở giá thành dự toán gắn liền với điều kiện cụ thể, năng lực thực tế của từng doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán – Mức hạ giá thành

Giá thành kế hoạch là căn cứ để so sánh, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, là mục tiêu phấn đấu hạ giá thành của doanh nghiệp.

+Giá thành thực tế: Giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Các phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt định mức chi phí trong kỳ hạch toán. Từ đó, điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp.

**Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí*

Theo phạm vi phát sinh chi phí giá thành được chia thành 2 loại:

-Giá thành sản xuất: là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân

xưởng sản xuất. Đối với các đơn vị xây lắp giá thành sản xuất gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.

-Giá thành tiêu thụ (hay còn gọi là giá thành toàn bộ) là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Giá thành tiêu thụ bao gồm giá thành sản xuất cộng thêm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

=>Cách phân loại này có tác dụng giúp cho các nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ.

1.2.3 Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Về bản chất chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là biểu hiện hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh, cũng giống nhau về bản chất vì đều cùng biểu hiện bằng tiền những lao động sống và lao động vật hóa bỏ ra nhưng khác nhau về mặt lượng. Khi nói đến chi phí sản xuất là giới hạn chúng trong một thời kỳ nhất định tính cho một đại lượng kết quả hoàn thành nhất định.

Đứng trên góc độ quá trình hoạt động để xem xét thì quá trình sản xuất là một quá trình hoạt động liên tục, còn việc tính giá thành sản phẩm thực hiện tại một điểm cắt có tính chất chu kỳ để so sánh chi phí với khối lượng sản phẩm lao vụ dịch vụ hoàn thành. Tại thời điểm tính giá thành có thể có một khối lượng sản phẩm chưa hoàn thành, chứa đựng một lượng chi phí cho nó là chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Tương tự như vậy đầu kỳ có thể có một khối lượng sản phẩm chưa hoàn thành ở kỳ trước chuyển sang và một phần chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

Giá thành được sản xuất theo công thức:

Giá thành sản xuất = Giá trị SPDDĐK + CPPS trong kỳ - Giá trị SPDDCK

Như vậy, chi phí sản xuất khác với giá thành sản phẩm cả về phạm vi cấu thành, nhưng chi phí sản xuất là cơ sở duy nhất để tính giá thành sản phẩm.

1.3 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

1.3.1 Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong xây lắp.

- Đối tượng tập hợp chi phí trong xây lắp

Việc xác định đối tượng tập hợp CPSX trong doanh nghiệp xây lắp cần phải dựa vào những đặc điểm sau:

+Đặc điểm tổ chức thi công của doanh nghiệp

+Quy trình công nghệ kỹ thuật sản xuất ra sản phẩm xây lắp

+Địa điểm phát sinh chi phí, mục đích công dụng của chi phí

+Yêu cầu về trình độ quản lý của doanh nghiệp

Dựa vào những vấn đề trên, đối tượng tập hợp CPSX trong doanh nghiệp xây lắp có thể là công trình, hạng mục công trình,…

- Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành.

Đối với doanh nghiệp xây lắp đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành được xác định theo phương thức ký kết thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa nhà thầu và bên giao thầu:

+Nếu đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình hoàn thành theo đơn đặt hàng thì thời điểm tính giá thành là khi công trình, hạng mục công trình hoặc đơn đặt hàng hoàn thành.

+Nếu đối tượng tính giá thành là các hạng mục công trình được quy định thanh toán theo giai đoạn xây dựng thì kỳ tính giá thành là giai đoạn xây dựng hoàn thành.

+Nếu đối tượng tính giá thành là những hạng mục công trình được quy định thanh toán định kỳ theo khối lượng từng loại công việc trên cơ sở giá dự toán thì kỳ tính giá thành là theo cuối tháng hoặc cuối quý.

1.3.2 Kế toán chi phí sản xuất trong đơn vị xây lắp.

1.3.2.1 Phương pháp tập hợp chi phí.

a, Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp

Là phương pháp tập hợp chi phí: chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến đối tượng tập hợp chi phí nào thì tập hợp trực tiếp theo đối tượng đó. Do đó kế toán phải tổ chức hạch toán 1 cách cụ thể, tỉ mỉ từ khâu lập chứng từ ban đầu đến khâu tổ chức hệ thống tài khoản và hệ thống sổ sách kế toán theo đúng đối tượng tập hợp chi phí xác định. Phương pháp tập hợp chi phí này yêu cầu kế toán phải cung cấp số liệu đầy đủ và chính xác đảm bảo tính chính xác cho việc tính giá thành của từng công trình, hạng mục công trình và có tác dụng tăng cường kiểm tra giám sát CPSX theo từng đối tượng.

b, Phương pháp gián tiếp

Phương pháp này dùng để tập hợp và phân bổ chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí mà kế toán không thể tập hợp trực tiếp các chi phí cho từng đối tượng đó. Để xác định chi phí phân bổ cho từng đối tượng cụ thể phải lựa chọn theo các tiêu chuẩn hợp lý.

Việc phân bổ chi phí cho từng đối tượng được tiến hành theo 2 bước sau:

Bước 1: Xác định hệ số phân bổ theo công thức sau:

H=C/T

Trong đó: H là hệ số phân bổ chi phí

C là Tổng chi phí cần phân bổ cho các đối tượng

T là Tổng lượng tiêu chuẩn phân bổ của các đối tượng cần phân bổ chi phí.

Bước 2: Xác định chi phí cần phân bổ cho từng đối tượng tập hợp cụ thể:

Ci= H x Ti

Trong đó: Ci là phần chi phí phân bổ cho đối tượng i

Ti là đại lượng tiêu chuẩn phân bổ dùng để phân bổ chi phí của đối tượng i.

1.3.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

a, Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Nội dung chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Trong tổng chi phí sản phẩm xây lắp thì chi phí nguyên vật liệu chính chiếm một tỷ trọng lớn. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là chi phí của những loại nguyên vật liệu cấu thành thực thể của sản phẩm, có giá trị lớn và có thể xác định một cách tách biệt rõ ràng cụ thể cho từng sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm xây lắp. Chi phí nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế khi xuất dùng, còn có cả chi phí thu mua, vận chuyển từ nơi mua về nơi nhập kho hoặc xuất thẳng đến chân công trình.

- Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Giấy đề nghị tạm ứng, phiếu chi
- Hóa đơn mua hàng…

- Tài khoản sử dụng

TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Kết cấu tài khoản

TK621 – Chi phí vật liệu trực tiếp

- Chi phí NVL TT phát sinh trong kỳ	- Trị giá NVL sử dụng không hết nhập kho - Kết chuyển chi phí NVL vào TK 154- Chi phí SXKD dở dang
Tổng số phát sinh nợ	*Tổng số phát sinh có*

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình

- Phương pháp kế toán

Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

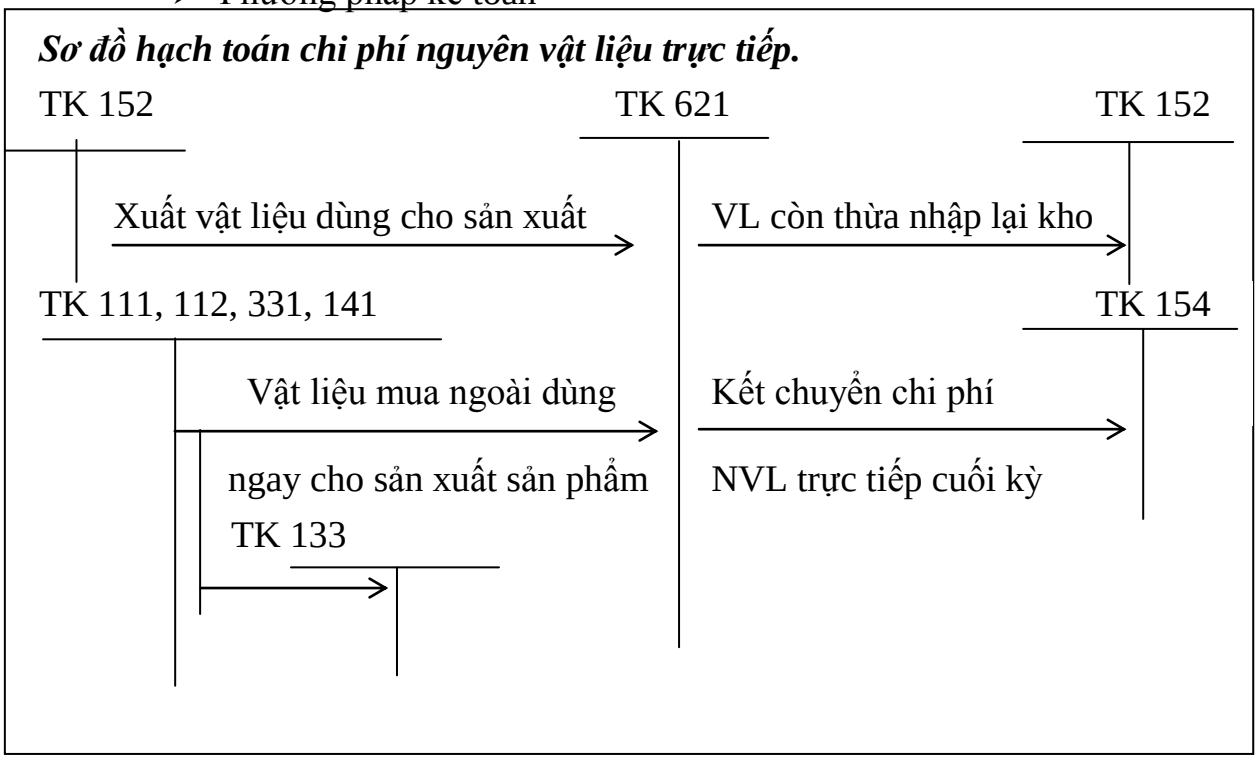

b, Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

- Nội dung chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là chi phí tiền lương, tiền công phải trả cho số ngày công lao động hay theo khối lượng công tác xây lắp hoàn thànhcủa công nhân trực tiếp thực hiện, không bao gồm các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất.

- Chứng từ sử dụng

-Bảng chấm công

-Phiếu xác nhận công việc hoàn thành

-Bảng thanh toán tiền lương, bảng tổng hợp thanh toán tiền lương

-Giấy đề nghị tạm ứng, phiếu tạm ứng

-Phiếu chi

- ….

➢ Tài khoản sử dụng

TK 622: chi phí nhân công trực tiếp

➢ Kết cấu tài khoản

TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

- Chi phí NCTT phát sinh trong kỳ	- Kết chuyển chi phí NCTT vào TK 154
Tổng số phát sinh nợ	*Tổng số phát sinh có*

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

TK này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình,…

➢ Phương pháp kế toán

Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

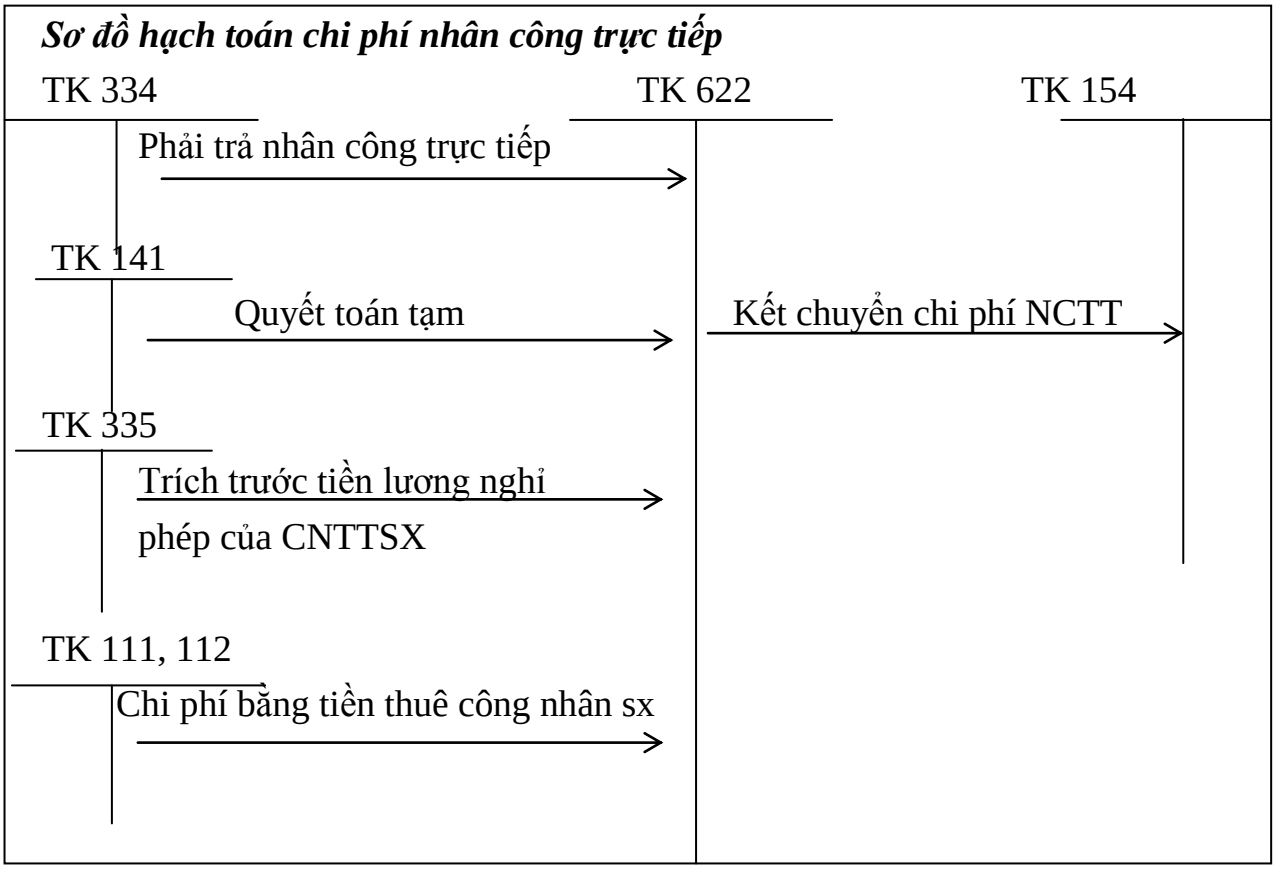

c, Kế toán chi phí máy thi công

- Nội dung chi phí máy thi công

Là các chi liên quan đến hoạt động của máy thi công (chi phí vật liệu cho máy hoạt động, chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp, tiền công của nhân công trực tiếp điều khiển máy, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe, máy thi công,..) Chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ khác phục vụ cho xe, máy thi công.

- Chứng từ sử dụng

-Bảng kê thời gian sử dụng máy thi công

-Hợp đồng thuê máy thi công

-Bảng phân bổ chi phí khấu hao máy thi công

-Phiếu chi, bảng thanh toán tiền lương của đội máy thi công,…

- Tài khoản sử dụng

TK 623: chi phí sử dụng máy thi công

- Kết cấu tài khoản

TK 623 – Chi phí máy thi công

- CP sử dụng máy thi công PSTK	- Các khoản giảm chi phí MTC - Kết chuyển CP sử dụng MTC vào TK 154
Tổng số phát sinh nợ	*Tổng số phát sinh có*

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

TK 623 này mở chi tiết cho từng hạng mục công trình, từng công trình..

➢ Phương pháp kế toán

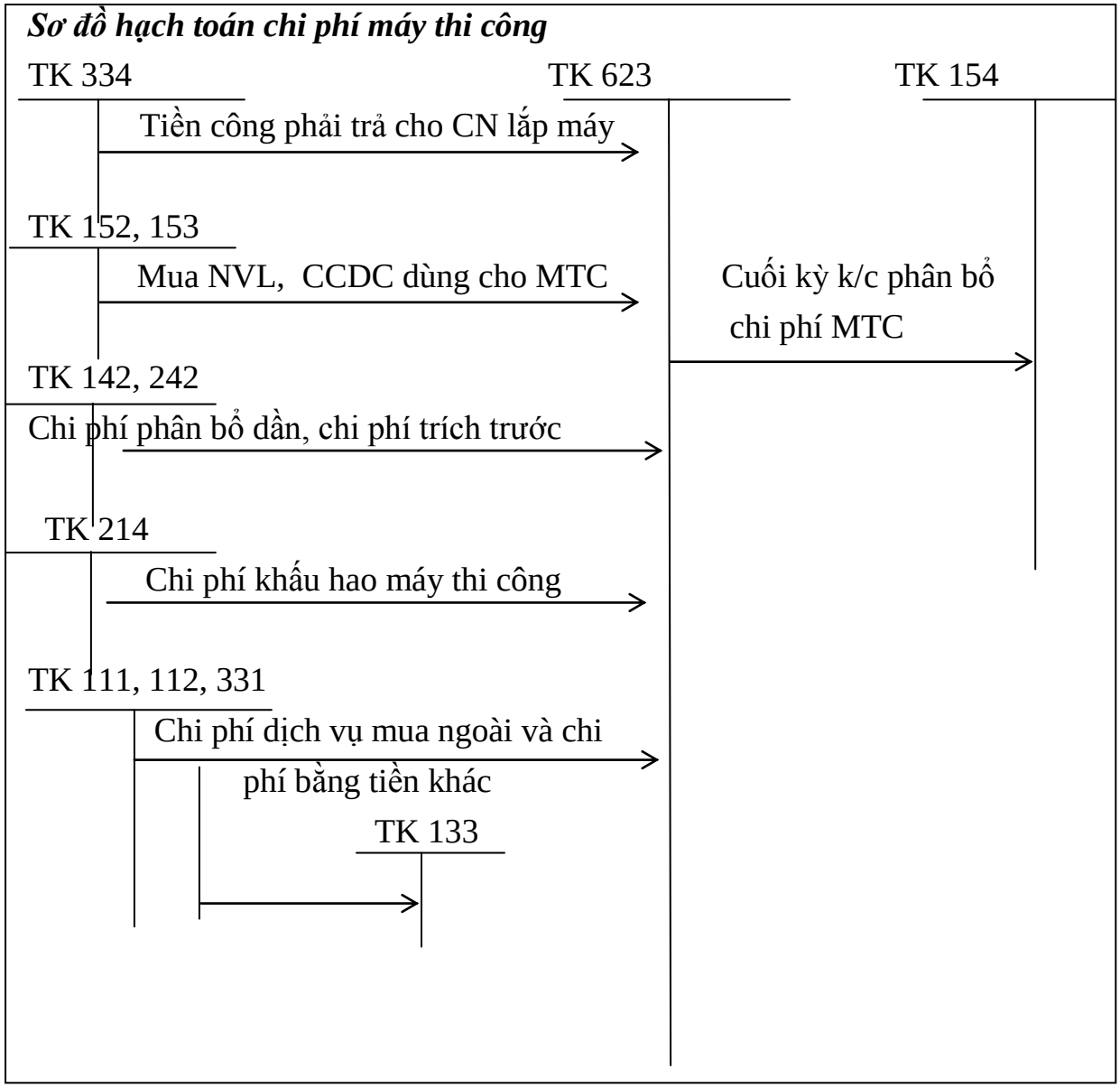

d, Kế toán chi phí sản xuất chung

➢ Nội dung chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung tại các doanh nghiệp xây lắp bao gồm các chi phí có liên quan đến việc tổ chức phục vụ và quản lý hoạt động thi công xây lắp. Bao gồm chi phí lương nhân viên quản lý đội thi công xây lắp. Bao gồm chi phí lương nhân viên quản lý đội xây dựng, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân sử dụng MTC và nhân viên quản lý đội theo tỷ lệ quy định: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ…

➢ Chứng từ sử dụng

-Phiếu xuất kho vật liệu, CCDC, phiếu xác nhận công việc hoàn thành

-Bảng thanh toán tiền lương, bảng tổng hợp thanh toán tiền lương, bảng chấm công

-Phiếu tạm ứng, hóa đơn GTGT, phiếu chi, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ…

- Tài khoản sử dụng

TK 627 chi phí sản xuất chung

- Kết cấu tài khoản

TK 627 – Chi phí sản xuất chung

- Chi phí SXC phát sinh trong kỳ	-Các khoản ghi giảm chi phí SXC -Kết chuyển chi phí SXC vào TK 154
Tổng số phát sinh nợ	*Tổng số phát sinh có*

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp kế toán

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung

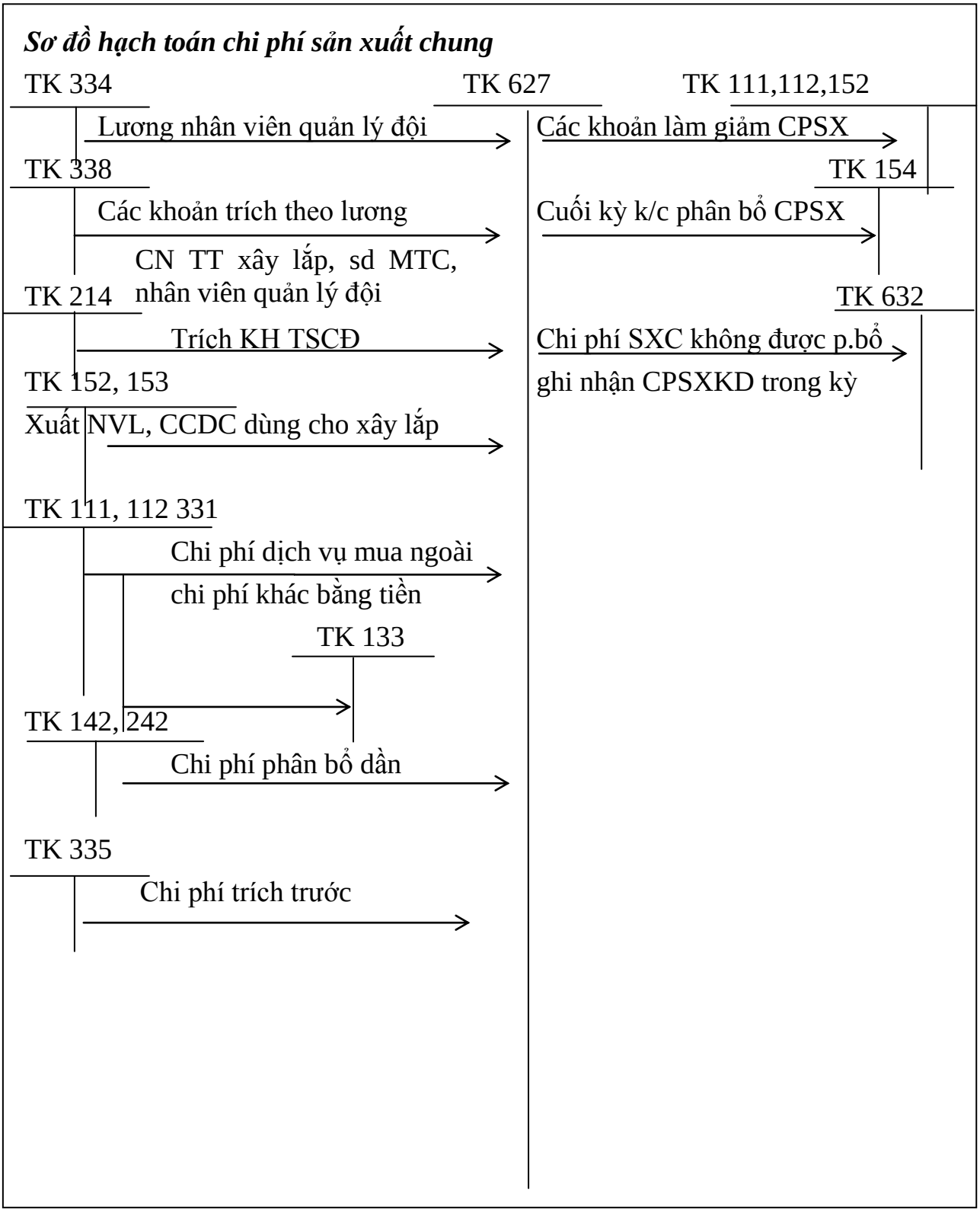

1.3.3 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất

Thiệt hại trong sản xuất của doanh nghiệp xây lắp được chia làm 2 loại:

+Thiệt hại do phá đi làm lại: do không đáp ứng được yêu cầu kế toán. Thông thường lỗi này do đơn vị thi công gây ra, do không đảm bảo về tỷ lệ pha trộn vật liệu (xi măng, cát) do trát chưa phẳng,..

+Thiệt hại do ngừng sản xuất: do nguyên nhân về thời tiết, mưa bão, do cung ứng vật tư không kịp thời.

- Tài khoản sử dụng

TK 138(1), 335, 627, 142, 154,..

- Phương pháp kế toán

***Thiệt hại do ngừng sản xuất**

- Có kế hoạch

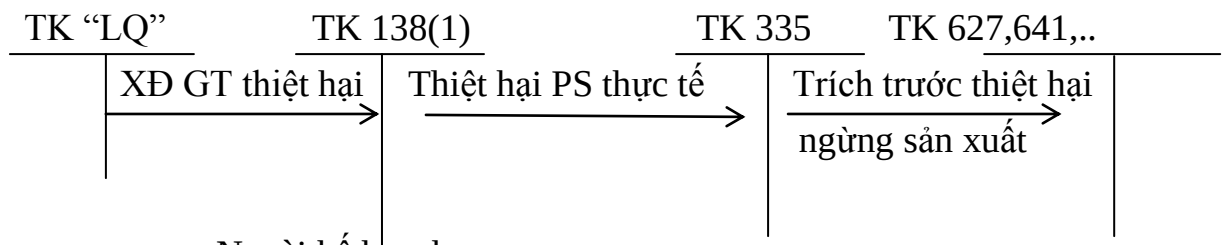

- Ngoài kế hoạch

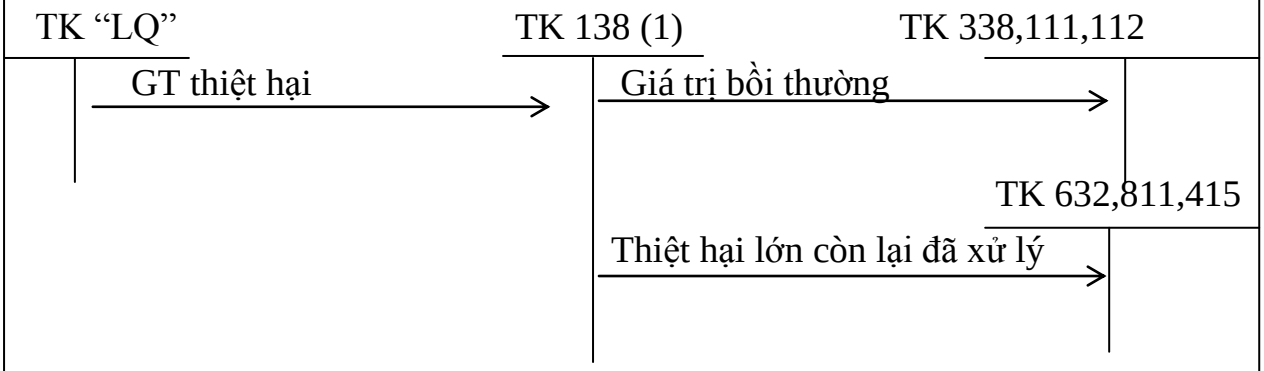

Thiệt hại do phá đi làm lại

- Do chủ đầu tư thay đổi thiết kế

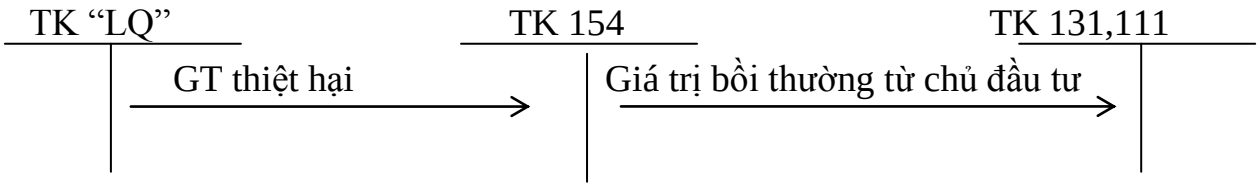

- Do doanh nghiệp gây ra

Trường hợp không trích trước chi phí bảo hành công trình

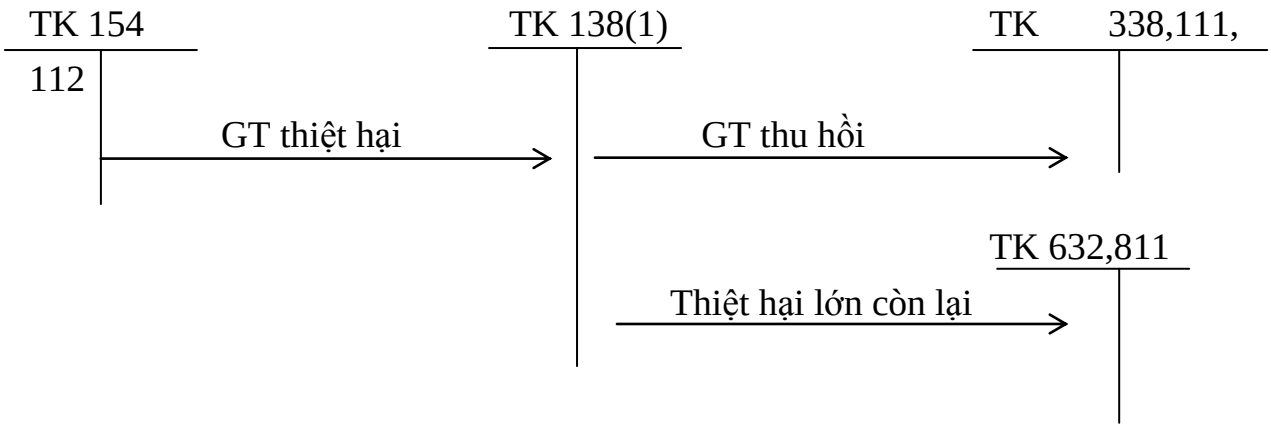

Trường hợp trích trước chi phí bảo hành công trình

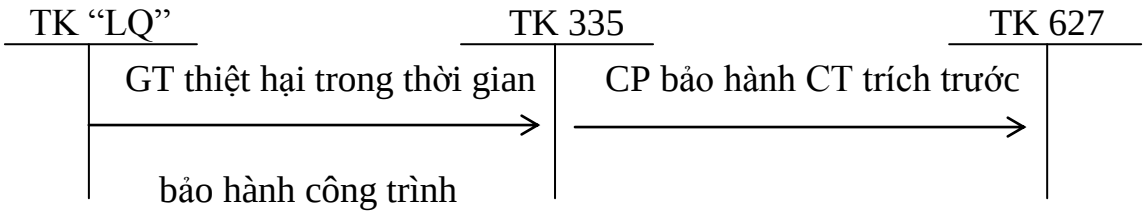

1.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 154 "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang" phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ; chi phí sản xuất kinh doanh của khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, cuối kỳ và các hoạt động sản xuất kinh doanh chính, phụ và thuê ngoài gia công chế biến ở các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp).

- Kết cấu tài khoản

TK 154 – Chi phí SX kinh doanh dở dang	
Số dư đầu kỳ	
- Các chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sử dụng MTC, chi phí SXC phát sinh trong kỳ	- Giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp hoàn thành - Trị giá phế liệu thu hồi
Tổng số phát sinh nợ	*Tổng số phát sinh có*
Số dư cuối kỳ	

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng, công trình, hạng mục công trình.

- Phương pháp hạch toán

Cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí SXC, chi phí sử dụng MTC (chi tiết từng đối tượng) kế toán ghi

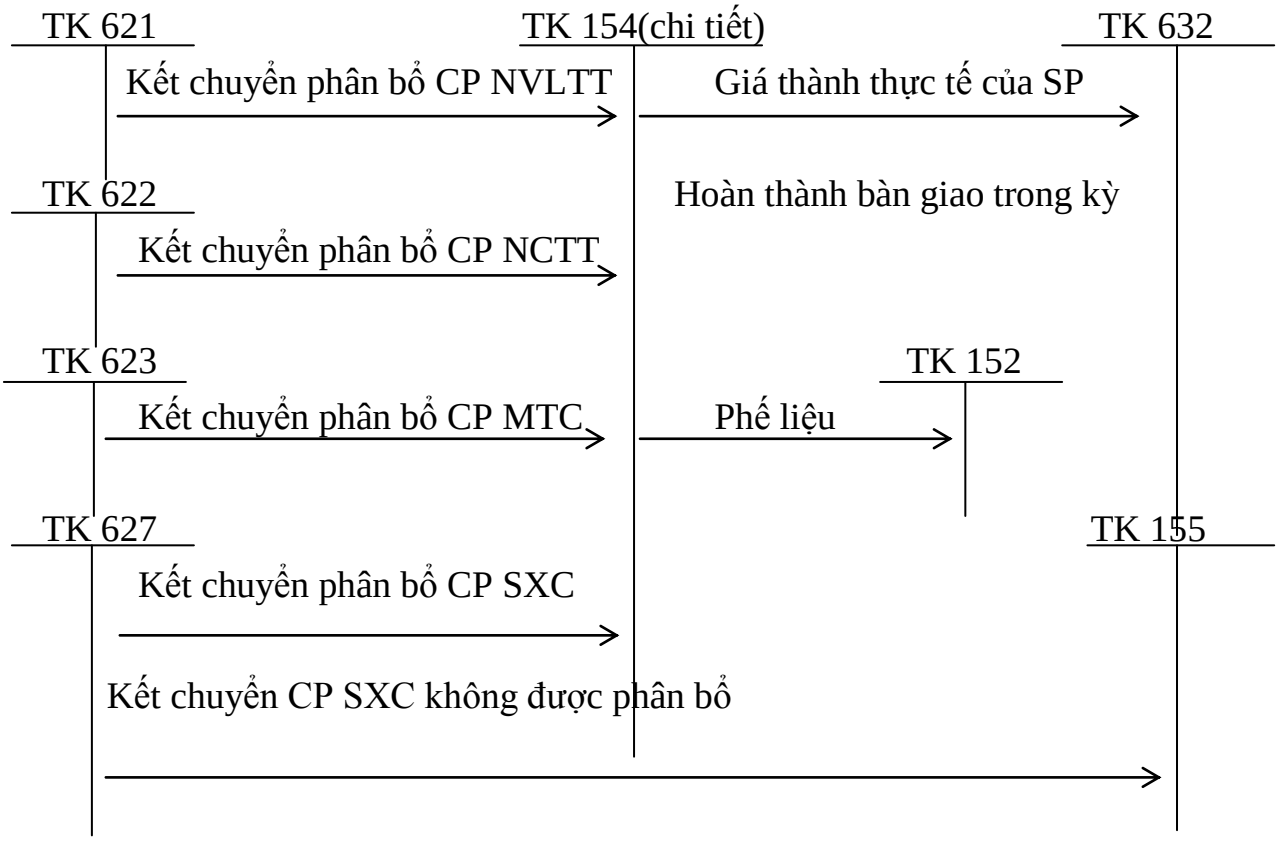

- Xác định giá trị sản phẩm dở dang.

Sản phẩm dở dang trong xây dựng có thể là công trình, hạng mục công trình dở dang chưa hoàn thành, khối lượng xây lắp thi công dở dang bất kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, thanh toán.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán, xác định phần CPSX trong khối lượng làm dở cuối kỳ theo những nguyên tắc nhất định.

Đặc điểm của sản phẩm xây lắp là kết quả phức tạp, để đánh giá một cách chính xác mức độ hoàn thành của nó là rất khó khăn. Vì vậy, khi đánh giá sản phẩm làm dở dang kế toán cần kết hợp chặt chẽ với các bộ phận kỹ thuật, bộ phận tổ chức lao động để xác định mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm dở dang một cách chính xác. Trên cơ sở kết quả kiểm kê sản phẩm dở dang đã tổng hợp được, kế toán tiến hành đánh giá sản phẩm làm dở.

- Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Có rất nhiều phương pháp để đánh giá sản phẩm dở dang, nhưng hầu hết các doanh nghiệp xây lắp đánh giá sản phẩm dở dang theo các chi phí dự toán. Ngoài ra còn có phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo sản phẩm tương đương…

**Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán.*

$$\textbf{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang} = \frac{\textbf{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \textbf{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực tế trong kỳ}}{\textbf{Giá trị theo dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \textbf{Giá trị theo dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}} \times \textbf{Giá trị theo dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}$$

1.5 Tính giá thành sản phẩm

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn cho mình 1 cách tính giá thành phù hợp.

- Phương pháp tính giá thành giản đơn

Áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc loại hình giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ ngắn.

Tổng giá thành SP, dịch vụ hoàn thành = **Giá trị sản phẩm dịch vụ dở dang đầu kỳ** + **Chi phí thực tế phát sinh trong kỳ** - **Giá trị sản phẩm dịch vụ dở dang cuối kỳ**

- Phương pháp tổng hợp chi phí

Áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ.

-Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là các bộ phận chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ hay bộ phận sản xuất.

-Đối tượng tính giá thành sản phẩm, lao vụ hoàn thành.

$$Z=C1+C2+\ldots+Cn$$

Trong đó: Z là tổng giá thành

C1, C2, Cn là chi phí xây dựng công trình ở từng giai đoạn

- Phương pháp hệ số

Áp dụng cho các doanh nghiệp trong cùng 1 quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và 1 lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều thứ sản phẩm khác nhau và chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất.

$$\textbf{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} = \frac{\textbf{Tổng giá thành sản xuất các loại sản phẩm}}{\textbf{Tổng số sp gốc quy đổi (G0)}}$$

$$\textbf{Giá thành đơn vị sp I} = \textbf{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} \times \textbf{Hệ số quy đổi sản phẩm thứ i}$$

$$G_0 = \text{tổng } H_i \times Q_i$$

Qi: là số lượng sản phẩm I (chưa quy đổi)

Ngoài ra, còn 1 số phương pháp tính giá thành cũng được áp dụng ở một số ít Doanh nghiệp như phương pháp loại trừ sản phẩm phụ hay phương pháp liên hợp.

1.6 Hình thức sổ kế toán trong doanh nghiệp xây lắp

1.6.1 Hình thức nhật ký sổ cái:

Sổ cái trong hình thức này bao gồm: Nhật ký – sổ cái và các sổ chi tiết Trình tự ghi sổ và mối quan hệ giữa các sổ được thể hiện qua các sơ đồ sau:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ – SỔ CÁI

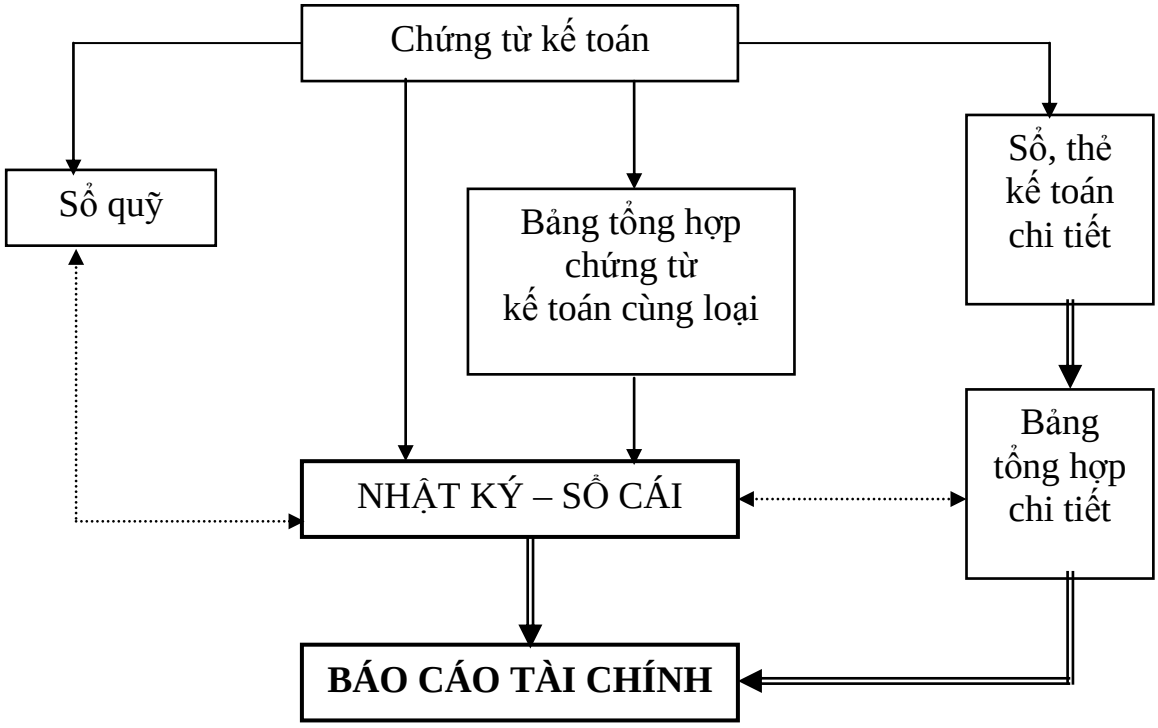

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

1.6.2 Hình thức nhật ký chung

Sổ kế toán trong hình thức này bao gồm: sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt, sổ chi tiết và sổ cái.

*Trình tự ghi sổ và mối quan hệ giữa các sổ được thể hiện qua các sơ đồ

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG

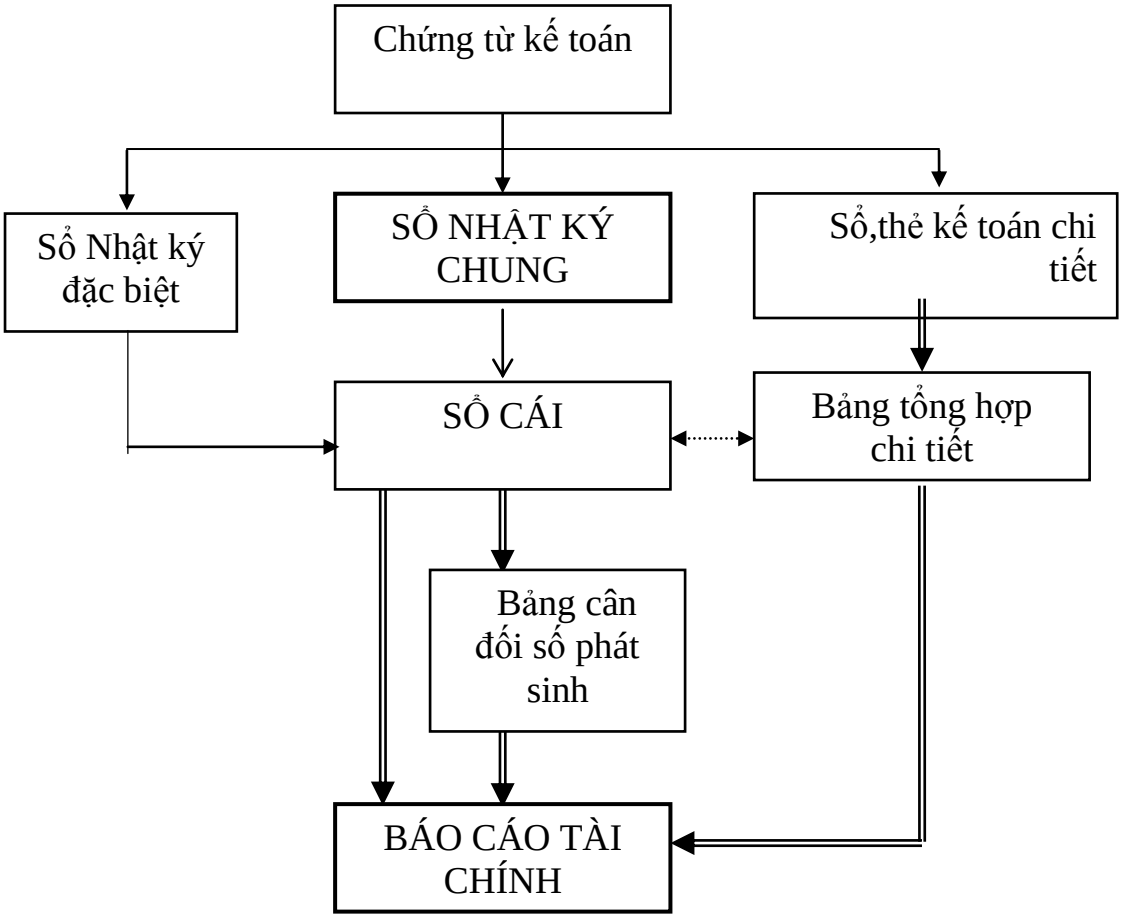

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Ghi quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.6.3 Hình thức chứng từ ghi sổ

Sổ kế toán trong hình thức này bao gồm: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, sổ chi tiết.

*Trình tự ghi sổ và mối quan hệ giữa các sổ được thể hiện qua sơ đồ sau:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ

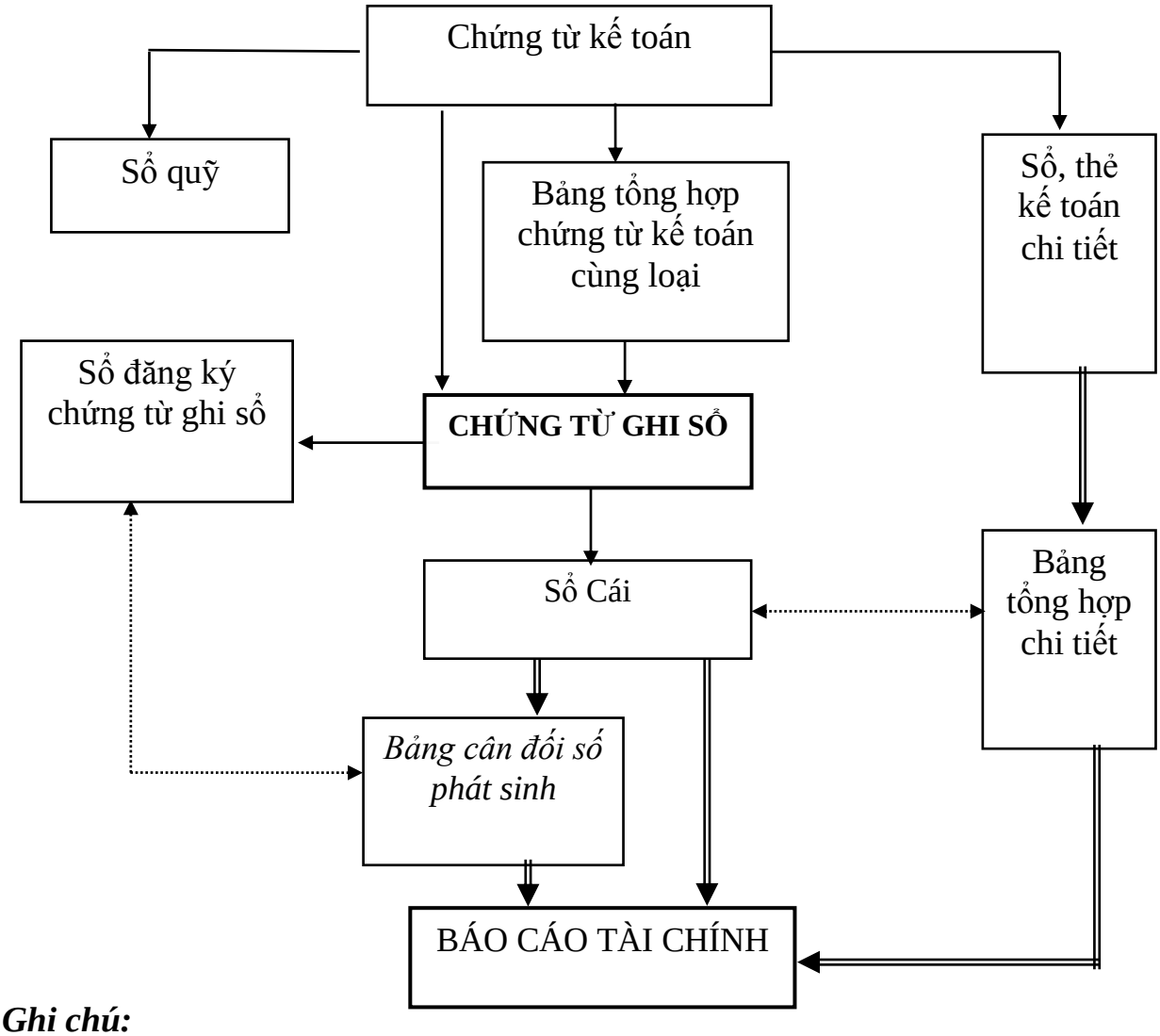

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

1.6.4 Hình thức nhật ký chứng từ

Sổ kế toán trong hình thức này bao gồm: nhật ký chứng từ, bảng kê, bảng phân bổ, sổ cái, sổ chi tiết.

*Trình tự ghi sổ và mối quan hệ giữa các sổ được thể hiện qua sơ đồ sau:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ – CHỨNG TỪ

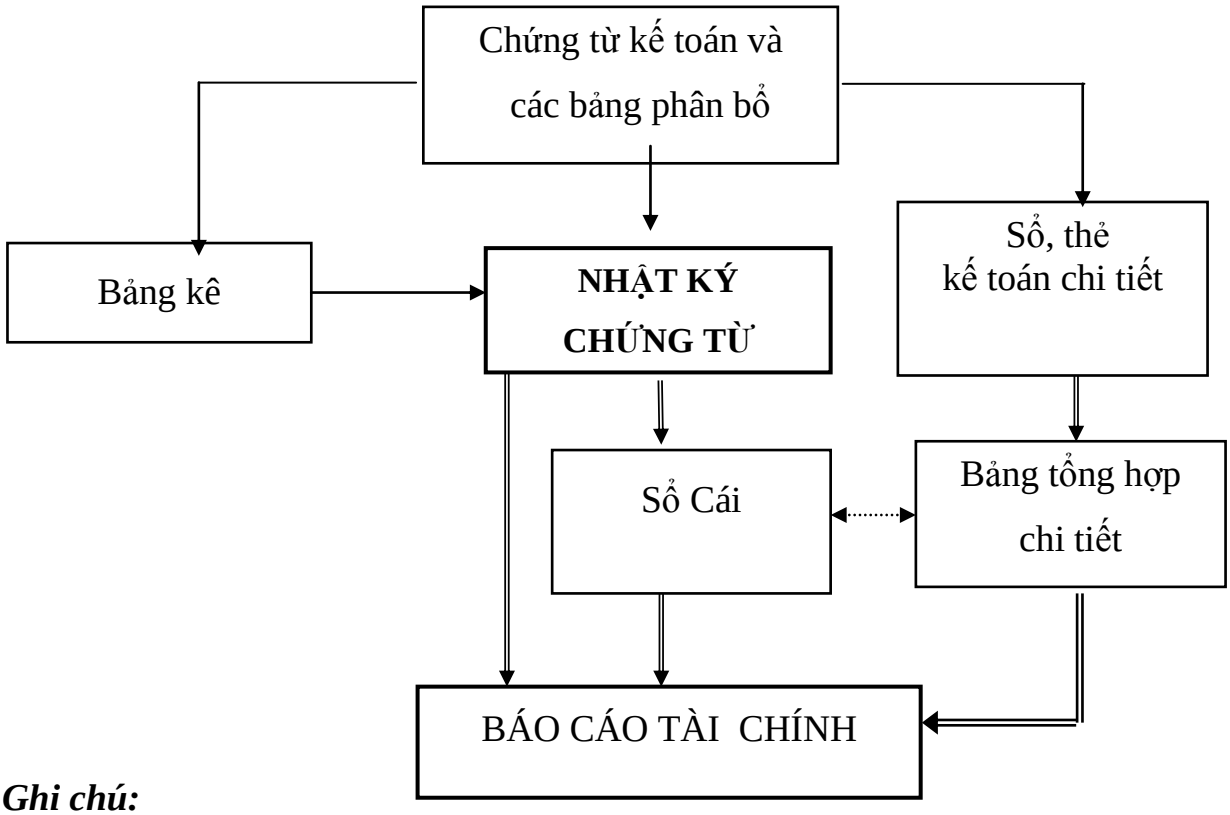

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

1.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

*Trình tự ghi sổ và mối quan hệ giữa các sổ được thể hiện qua sơ đồ:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH

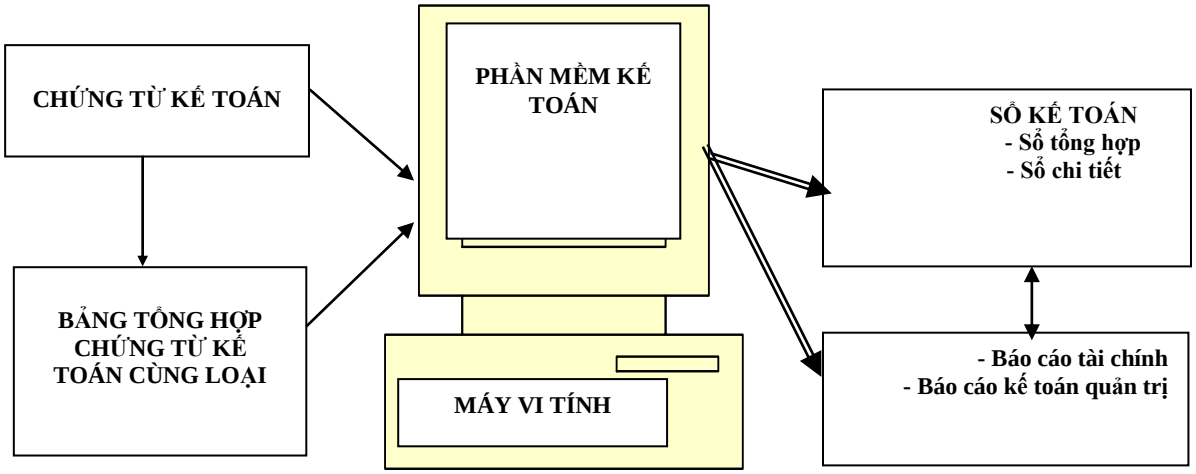

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TYTNHH 1 THÀNH VIÊN CẦU, PHÀ QUẢNG NINH

2.1 Khái quát chung về tình hình công ty TNHH 1 thành viên cầu,phà Quảng Ninh

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.

- Tên công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV CẦU PHÀ QUẢNG NINH**

- Tên bằng tiếng nước ngoài: **QUANG NINH BRIDGE AND FERRY ONE MEMBER CO.,LTD**

- Tên viết tắt: không có

- Điện thoại: 0333.825364 Fax: 0333.828984

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1A - Lê Thánh Tông – Hòn Gai – Hạ Long – Quảng Ninh - Mã số thuế: 5700471268

Công ty TNHH MTV Cầu phà Quảng Ninh trải qua 20 năm đổi mới, phấn đấu trưởng thành gắn liền với 20 năm đổi mới của Đảng từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI-1986, Đại hội khởi xướng công cuộc đổi mới gắn liền tiến trình cầu hoá và các cây cầu lần lượt được xây dựng thay cho những chiếc phà ngày ngày chở khách và xe qua sông.

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh chính

- Công ty có nhiệm vụ sữa chữa vá ổ gà, nạo vét rãnh, phát quang,...sản phẩm tạo ra cuối cùng là những con đường đảm bảo giao thông thông suốt và an toàn, sản phẩm được cả xã hội tiêu dùng.

- Nhận thầu xây dựng các công trình giao thông.

- Sửa chữa các công trình giao thông.

- Căn cứ vào kế hoạch đầu năm, ban lãnh đạo của công ty giao kế hoạch xuống các đơn vị trực thuộc để làm công tác bảo dưỡng sửa chữa cầu. Ở các hạt lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên để làm căn cứ thực hiện.

- Nhiệm vụ chính của công ty là đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn cho người và phương tiện trên phạm vi những tuyến phà, cầu do công ty quản lý. Tất

cả các cây cầu, tuyến phà trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

2.1.3 Đặc điểm quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH 1 thành viên quản lý cầu, phà Quảng Ninh có ảnh hưởng đến công tác kế toán.

Căn cứ vào năng lực sản xuất của đơn vị mình, giám đốc bố trí nhân lực cho từng thành phần công việc, chuẩn bị nguyên vật liệu, máy móc, và điều khiển mặt bằng kỹ thuật thi công, rồi tổ chức thi công.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh.

Để đảm bảo cho việc tổ chức và quản lý kinh doanh phục vụ có hiệu quả, bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo dạng trực tuyến chức năng, Bộ máy quản lý gọn nhẹ theo chế độ một thủ trưởng. Với mô hình này đảm bảo tính thống nhất cao trong hoạt động, đồng thời cũng thể hiện tính tập trung chuyên môn hoá cao.

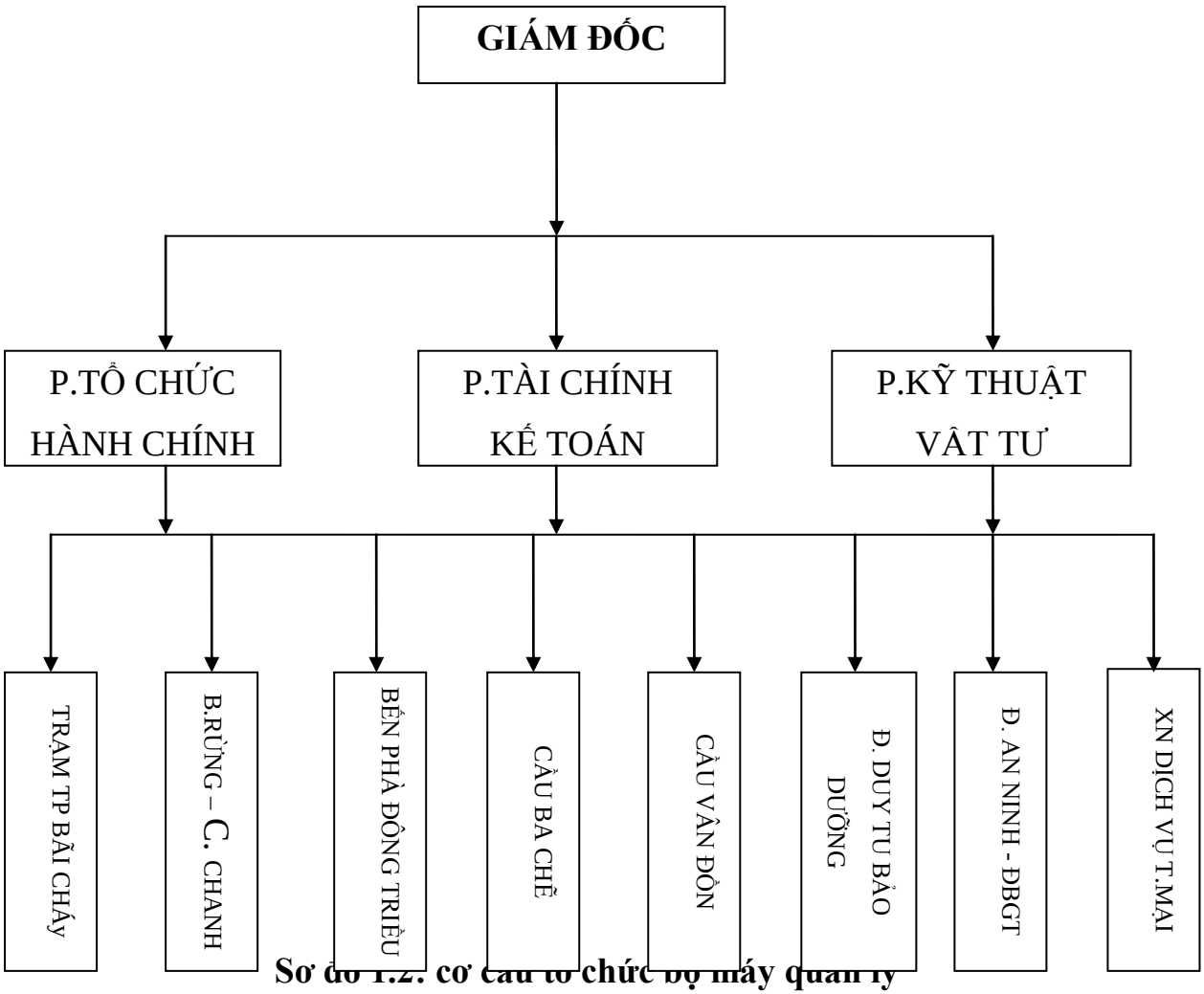

Sơ đồ 1.2: cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

- Giám đốc Công ty: là người đứng đầu Công ty, do sở giao thông vận tải bầu ra, là người chịu trách nhiệm cao nhất trước nhà nước và pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ của Công ty, đồng thời là người chỉ đạo trực tiếp công tác tổ chức bộ máy Công ty.

- Phòng Tổ chức hành chính: có nhiệm vụ quản lý lao động - tiền lương, những công việc có liên quan đến công tác hành chính và các quan hệ xã hội khác.

+ Công tác quản lý lao động - tiền lương: có chức năng xây dựng kế hoạch quản lý công tác tổ chức lao động tiền lương, định mức lao động, chế độ tiền lương, tiền thưởng, đề xuất kế hoạch đào tại lại, tổ chức thi nâng bậc cho công nhân, giải quyết chế độ chính sách, quản lý hồ sơ người lao động, tổ chức công tác văn thư lưu trữ…

+ Công tác hành chính: quản lý và thực hiện toàn bộ công tác hành chính trong công ty, thực hiện công tác chính sách, quy định của cơ quan chính quyền, của cơ quan quản lý cấp trên là Sở giao thông vận tải Tỉnh Quảng Ninh….

- Phòng Tài chính - Kế toán: Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm, thực hiện hạch toán theo quy định của nhà nước và điều lệ của Công ty, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế cơ bản, đồng thời là cơ quan tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính của Công ty để kịp thời đưa ra các quyết định nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý thu chi tài chính, vật tư, tiền vốn, thực hiện hạch toán kinh doanh, thanh quyết toán với Nhà nước.

- Phòng Kỹ thuật - Vật tư: có nhiệm vụ lập kế hoạch kinh doanh phục vụ hàng năm, giao và kiểm tra thực hiện kế hoạch hàng tháng ở các đơn vị thành viên, lập kế hoạch sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng phương tiện giao cho XN thực hiện.

- Các đơn vị thành viên: là các bộ phận trực tiếp sản xuất theo yêu cầu của Giám đốc, Phó giám đốc trên cơ sở kế hoạch được giao dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các giám đốc đơn vị…

2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và chế độ của Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh

2.1.5.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh

Cơ cấu bộ máy kế toán bao gồm:

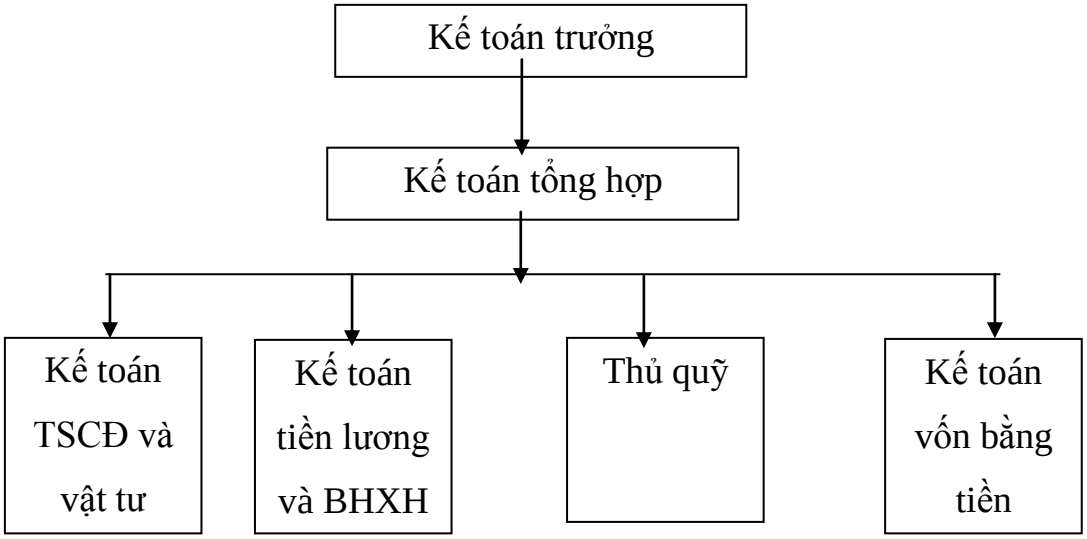

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

+ ***Kế toán trưởng***: Là người chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động kế toán của công ty, là người trực tiếp quản lý các nhân viên kế toán ở công ty, chịu trách nhiệm về tính chính xác của BCTC cũng như các khoản chi phí phát sinh trong mọi hoạt động tài chính của công ty.

+ ***Kế toán tổng hợp***: phụ trách công tác tập hợp chi phí và tính giá thành, giám sát công việc kế toán. Đồng thời là người lên bảng cân đối phát sinh, bảng tổng kết tài sản cuối tháng, quý, năm và lập báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo thuế.

+ ***Kế toán tiền lương***: Mở sổ sách ghi chép phản ánh tổng hợp về lượng lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương.

+ *Kế toán vốn bằng tiền*: Có nhiệm vụ thanh toán các khoản thanh toán bằng tiền mặt, séc, chuyển khoản và các giao dịch khác với ngân hàng. Ngoài ra, còn theo dõi và phản ánh kịp thời tình hình biến động của các khoản nợ phải thu khách hàng, phải trả nhà cung cấp và số thuế VAT đầu vào của công ty.

+ ***Kế toán vật tư và TSCĐ***: Ghi chép, tính toán,phản ánh chính xác trung thực kịp thời số lượng, chất lượng của vật liệu nhập, xuất, tồn kho, phân bổ hợp lí chi phí theo đối tượng sử dụng để tính giá thành, theo dõi toàn bộ phần thanh toán, quyết toán của công trình và hạng mục công trình XDCB, tình hình tăng

giảm TSCĐ, hiện trạng sử dụng TSCĐ tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí, lập kế hoạch sửa chửa TSCĐ của công ty.

+ ***Thủ quỹ:*** Có nhiệm vụ đảm bảo an toàn tiền mặt, ngân quỹ...mở sổ sách theo dõi phiếu thu, chi do kế toán, chi tiết phải lập cuối ngày phải đối chiếu số tiền tồn quỹ thực tế với sổ sách.

Tuy có sự phân chia giữa các phần hành kế toán, mỗi người có một nhiệm vụ riêng nhưng các nhân viên kế toán vẫn có sự phối hợp hài hòa với nhau. Để việc hạch toán có sự trung thực, chính xác các nhiệm vụ kinh tế phát sinh ở từng khâu là tiền đề cho khâu tiếp theo và đảm bảo an toàn tránh sai sót cho toàn hệ thống.

2.1.5.2 Chế độ kế toán đang áp dụng tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh.

+ Chế độ kế toán vận dụng tại Công ty theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài Chính.

+ Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31/12 hàng năm.

+ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: VNĐ

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền liên hoàn.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

+ Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.1.5.3 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Về hình thức sổ kế toán: Hiện nay công ty đang sử dụng hình thức "Chứng từ ghi sổ" với hệ thống các sổ kế toán chi tiết, tổng hợp và báo cáo thống nhất theo quy định của Bộ tài chính.

Chứng từ ghi sổ được lập trên cơ sở chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại có cùng 1 nội dung kinh tế, chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng ngày, từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ gốc đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán của công ty theo hình thức CTGS

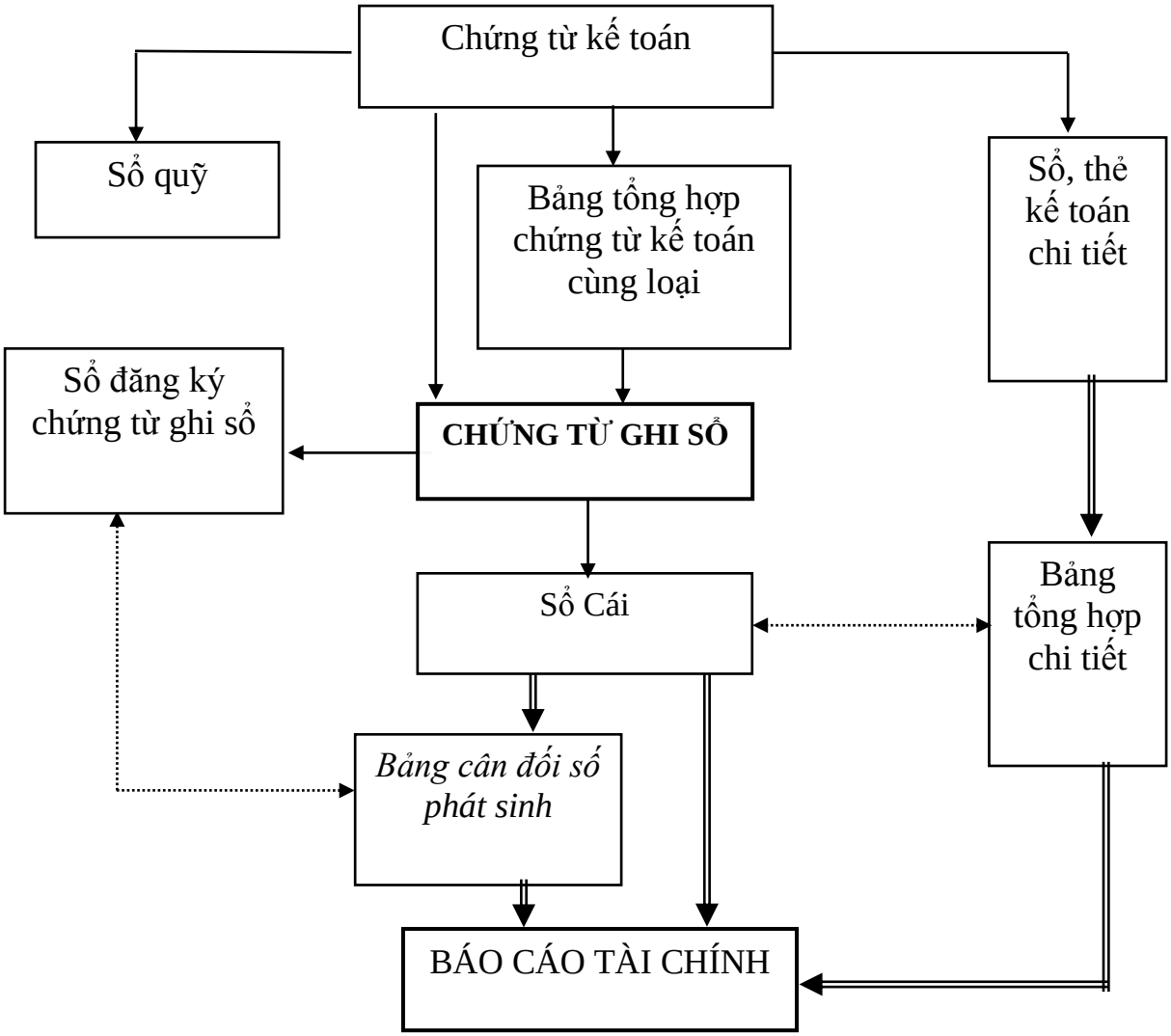

Ghi chú: Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu

Giải thích trình tự ghi sổ:

+ Bước 1: Căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra, kế toán phân loại chứng từ thành các loại khác nhau.

+ Bước 2: Lập chứng từ ghi sổ trong các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cùng loại.

+ Bước 3: Tổng hợp số liệu trên chứng từ ghi sổ và kèm theo các chứng từ gốc đính kèm.

+ Bước 4: Lập số liệu tổng hợp cuối cùng của chứng từ ghi sổ vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

+ Bước 5: Lập số liệu của chứng từ ghi sổ và sổ cái cho những tài khoản liên quan.

Công ty TNHH 1 thành viêncầu, phà Quảng Ninh vẫn đang tìm hiểu và nghiên cứu để lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với tổ chức kế toán của công ty. Vì vậy, hiện nay phòng kế toán của công ty vẫn sử dụng Excel làm phương tiện tính toán chủ yếu.

2.2 Thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sản xuất tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh

2.2.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

2.2.2 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm của Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh

Trong bài khóa luận này, em xin trình bày kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành của công trình xây dựng hạng mục cầu. Tên công trình: "Hạng mục 4 Ba Chẽ" do đội xây dựng 1,2,3 cầu Ba Chẽ của công ty thực hiện. Công trình được khởi công xây dựng từ ngày 01 tháng 03 năm 2012 giá trị hợp đồng ***1.304.284.391***đồng.

2.2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

a, Nội dung

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ở công ty bao gồm toàn bộ giá trị vật liệu cần thiết tạo ra sản phẩm xây lắp, trực tiếp phục vụ cho hoạt động xây lắp: vật liệu chính (gạch, đá, xi măng, sắt, thép,...), vật liệu phụ (cọc tre, dây buộc,...), các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình (tấm xi măng đúc sẵn, ống cống,...), vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp, các loại công cụ dụng cụ sản xuất,...

b, Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Giấy đề nghị thanh toán
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng
- Bảng kê hoá đơn thuế, Bảng tiêu hao vật tư
- Sổ chi tiết TK 621, Sổ cái TK 621 ...

c, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản kế toán được sử dụng để tập hợp chi phí là TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình theo yêu cầu.

d, Quy trình ghi sổ kế toán chi tiết

Căn cứ vào khối lượng thi công, giám đốc xí nghiệp cùng chủ nhiệm công trình, nhân viên kế hoạch, nhân viên kỹ thuật, nhân viên tiếp liệu của xí nghiệp tiến hành lập dự toán, lập phương án thi công công trình nhận thầu; lập kế hoạch cung ứng vật tư và giao nhiệm vụ sản xuất thi công cho từng tổ đội.

Các tổ đội thi công, căn cứ vào nhiệm vụ được giao, dựa trên dự toán sẽ tính toán khối lượng vật tư cần thiết phục vụ cho quá trình thi công ở tổ đội mình. Khi có lệnh sản xuất thi công, các tổ yêu cầu cung cấp vật tư có sự xác nhận của chủ nhiệm công trình hoặc nhân viên kỹ thuật, rồi gửi cho nhân viên tiếp liệu tiến hành việc thu mua vật tư theo yêu cầu.

Do đặc điểm ngành XDCB và của SPXL, để thuận lợi cho việc thi công, tránh việc vận chuyển tốn kém, các xí nghiệp thường kí hợp đồng mua trọn gói với các nhà cung ứng. Có những vật liệu đơn giản được mua về vận chuyển đến tận chân công trình. Ví dụ như : que hàn, dây thép buộc với số lượng thực tế, dung tới đâu mua tới đó. Những vật liệu chủ đạo như: xi măng, thép…thì xuất ở kho ra.

Khi vật liệu được đưa về, tổ trưởng và thủ kho tiến hành kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại vật tư mua về. Nếu đáp ứng được đúng, đủ như trong hợp đồng mua bán đã ký kết thì ký nhận vào phiếu giao hàng, nhập kho, ghi vào sổ kho, thẻ kho theo số lượng nhập thực tế và đơn giá theo hoá đơn.

Căn cứ vào chứng từ gốc (hoá đơn bán hàng - liên 2 giao cho khách hàng), kế toán xí nghiệp lập phiếu nhập kho sau đó ghi luôn phiếu xuất kho đồng thời ghi sổ chi tiết vật tư.

Căn cứ vào kế hoạch thi công và định mức thi công NVL, đội trưởng đội xây lắp lập phiếu yêu cầu vật tư:

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu,phà Quảng Ninh

PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ

Kính gửi: Giám đốc Công ty

Để phục vụ thi công công trình hạng mục 4 Ba Chẽ đề nghị công ty cấp các loại vật liệu như sau:

Địa điểm giao nhận tại kho CT4

Thời gian từ 1/3/2012 đến 10/3/2012

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng
1	**Xi măng PC30**		**Tấn**	**500**
2	**Thép D6**		**Kg**	**3.750**
3	**Thép D8**		**Kg**	**3.750**
4	**Thép D10**		**Kg**	**3.125**
5	**Thép D12**		**Kg**	**2.775**
6	**Thép D16**		**Kg**	**4.250**
7	**Thép D18**		**Kg**	**3.601**
8	**Thép D22**		**Kg**	**4.752**
9	**Cát bê tông, cát xây**		**m3**	**2.000**
10	**Thép buộc**		**Kg**	**600**
11	**Que hàn**		**Kg**	**900**

Người yêu cầu **Phòng vật tư cơ giới** **Giám đốc**

Đã ký *Đã ký* *Đã ký*

Sau khi được phê duyệt của giám đốc công ty các phòng ban, nếu xuất từ kho thì thủ kho lập 03 liên phiếu xuất kho: 01 giao cho người lĩnh vật tư, 01 giao cho bộ phận cung ứng, 01 giữ lại để ghi thẻ kho.

Nếu nhận vật tư do công ty mua về không nhập kho mà giao thẳng tới chân công trình thì chứng từ sử dụng kèm theo là hóa đơn thuế GTGT và biên bản giao nhận vật tư giữa người cung ứng vật tư với đội trưởng hoặc phó công trình. Biên bản này được lập thành 2 liên, mỗi bên giữ 1 liên làm chứng từ thanh toán.

HOÁ ĐƠN **Mẫu số: 01GTKT3/001**

GIÁ TRỊ GIA TĂNG **Ký hiệu: 57AB/12P**

Liên 2: Giao cho khách hàng **Số HĐ: 0000147**

Ngày 01/3/2012

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoàng Ngọc

Địa chỉ: Số 15, Quang Trung Tiên Yên Quảng Ninh

Số TK: 034160000587258

Điện thoại: 0333876264 Mã số thuế: 0105789222

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh

Địa chỉ: Hồng Gai, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: TMMã số thuế:5700 479 757

STT	Tên hàng hoá,dvụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
01	Dây thép buộc	Kg	600	15.000	9.000.000
Cộng tiền hàng					9.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					900.000
Tổng cộng tiền thanh toán					**9.900.000**

Số tiền viết bằng chữ:**Chín triệu, chín trăm ngàn đồng chẵn**./

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
Đã ký	Đã ký	Đã ký

Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh

Công trình: Hạng mục 4 Ba Chẽ

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Số: 1/3

Ngày 01 tháng 03 năm 2012

Người giao: Lê Văn Minh – Phòng Vật tư

Người nhận: Trần Văn Phong

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dây thép buộc	Kg	600	15.000	9.000.000
	Cộng				**9.000.000**

Số tiền viết bằng chữ: *Chín triệu đồng chẵn./*

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
Đã ký	*Đã ký*	*Đã ký*

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 03/03/2012

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: 57AB/12P
Số HĐ: 0000148

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoàng Ngọc
Địa chỉ: Số 15, Quang Trung Tiên Yên Quảng Ninh
Số TK: 034160000587258
Điện thoại: 0333876264 Mã số thuế: 0105789222

Họ tên người mua hàng:
Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh
Địa chỉ: Lê Thánh Tông, Hồng Gai, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Hình thức thanh toán: TMMã số thuế:5700471268

STT	**Tên hàng hoá,dvụ**	**ĐVT**	**Số lượng**	**Đơn giá (đồng)**	**Thành tiền (đồng)**
01	Que hàn	Kg	900	18.000	16.200.000
Cộng tiền hàng					16.200.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.620.000
Tổng cộng tiền thanh toán					**17.820.000**

Số tiền viết bằng chữ: **Mười bảy triệu,tám trăm hai mươi ngàn đồng chẵn./**

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
Đã ký	Đã ký	Đã ký

Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh

Công trình: Hạng mục 4 Ba Chẽ

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Số: 2/3

Ngày 03 tháng 03 năm 2012

Người giao: Lê Văn Minh – Phòng Vật tư

Người nhận: Trần Văn Phong

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Que hàn	kg	900	18.000	16.200.000
	Cộng				**16.200.000**

Số tiền viết bằng chữ: *Mười sáu triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn./*

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
Đã ký	*Đã ký*	*Đã ký*

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh **Mẫu số: S02a – DNL**

Địa chỉ: Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, QN *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	Nợ	
Mua dây thép buộc dùng ngay cho thi công	621	331	9.000.000	
Mua que hàn dùng ngay cho thi công	621	331	16.200.000	
Cộng	**X**	**x**	**25.200.000**	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập	**Kế toán trưởng**
(Họ tên)	*(Họ tên)*
Đã ký	Đã ký

Mẫu 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phàQuảng Ninh
Địa chỉ*: *Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, QN

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 1/3
Nợ TK 621
Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Xuân Chính
Địa chỉ (bộ phận) thi công
Lý do xuất kho:Thi công hạng mục 4 Ba Chẽ
Xuất tại kho (ngăn lô):Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng PC30		Tấn	500	500	980.000	490.000.000
	Tổng cộng						**490.000.000**

Tổng số tiền (viết bằng chữ): ***Bốn trăm chín mươi triệu đồng chẵn./***
Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 03 tháng 03 năm 2012

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
Đã ký	*Đã ký*	*Đã ký*	*Đã ký*	*Đã ký*

Mẫu 02 – VT

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu , phà Quảng Ninh
Địa chỉ: Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 2/3
Nợ TK 621
Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Xuân Chính
Địa chỉ (bộ phận) thi công
Lý do xuất kho:Thi công hạng mục 4 Ba Chẽ
Xuất tại kho (ngăn lô):Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép D6		Kg	3.750	3.750	15.000	56 .250.000
2	Thép D8		Kg	3.750	3.750	15.000	56.250.000
3	Thép D10		Kg	3.125	3.125	15.500	48.437.500
4	Thép D12		Kg	2.775	2.775	15.500	43.012.500
5	Thép D16		Kg	4.250	4.250	16.500	70.125.000
6	Thép D18		Kg	3.601	3.601	17.500	63.017.500
7	Thép D22		Kg	4.752	4.752	18.500	87.912.000
	Tổng cộng						**425.004.500**

Tổng số tiền (viết bằng chữ): ***Bốn trăm hai năm triệu, bốn ngàn, năm trăm đồng./***
Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 03 tháng 03 năm 2012

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kếtoán trưởng**	**Giám đốc**
Đã ký	*Đã ký*	*Đã ký*	*Đã ký*	*Đã ký*

Mẫu 02 – VT

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu ,phà Quảng Ninh *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Địa chỉ: Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, QN

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 3/3

Nợ TK 621

Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Xuân Chính

Địa chỉ (bộ phận) thi công

Lý do xuất kho: Thi công hạng mục 4 Ba Chẽ

Xuất tại kho (ngăn lô):Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Cát bê tông, cát xây		m3	2.000	2.000	70.000	140.000.000
	Tổng cộng						**140.000.000**

Tổng số tiền (viết bằng chữ): ***Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn./***

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 03 tháng 03 năm 2012

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
Đã ký	*Đã ký*	*Đã ký*	*Đã ký*	*Đã ký*

Kế toán công trình tập hợp chứng từ, định kỳ chuyển lên cho kế toán công ty. Sau khi căn cứ vào chứng từ gốc như HĐ GTGT, PXK,.. kế toán tập hợp và phản ánh vào Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ tương ứng, phản ánh vào sổ chi tiết TK 621 và sổ cái TK 621 để tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu , phà Quảng Ninh **Mẫu số: S02a – DN**
Địa chỉ:Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, QN *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC*
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C		
Xuất kho xi măng dùng cho thi công	621	152	490.000.000	
Xuất kho thép dùng cho thi công	621	152	425.004.500	
Xuất kho cát dùng cho thi công	621	152	140.000.000	
Cộng	**X**	**x**	**1.055.004.500**	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập	**Kế toán trưởng**
(Họ tên)	*(Họ tên)*
Đã ký	Đã ký

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh

Địa chỉ: Số 1 Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp SHTK: 621

Tên đối tượng: Hạng mục 4 Ba Chẽ

Tháng 03 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
HĐ 0000147	01/03	Mua dây thép buộc dùng ngay cho thi công	111	9.000.000	
PXK số 1/3	03/03	Xuất kho xi măng dùng cho thi công	152	490.000.000	
PXK số 2/3	03/03	Xuất kho thép dùng cho thi công	152	425.004.500	
HĐ 0000148	03/03	Mua que hàn dùng ngay cho thi công	111	16.200.000	
PXK số 3/3	03/03	Xuất kho cát dùng cho thi công	152	140.000.000	
	31/03	Kết chuyển CPNVLTT tháng 3	154		1.080.204.500
		Cộng số phát sinh		**1.080.204.500**	**1.080.204.500**
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập **Kế toán trưởng**

Đã ký Đã ký

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu , phà Quảng Ninh **Mẫu số: S03b – DN**
Địa chỉ: Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, QN *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (SHTK: 621)

Tháng 03 năm 2012

Chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			NỢ	CÓ
		Số dư đầu tháng			
01/03	31/3	Mua dây thép buộc dùng ngay cho thi công CT4 Ba Chẽ	331	9.900.000	
01/03	31/3	Mua que hàn dùng ngay cho thi công CT4 Ba Chẽ	331	17.820.000	
		…			
02/03	31/3	Xuất kho NVL dùng cho thi công CT4 Ba Chẽ	152	1.055.004.500	
		…			
	31/3	Kết chuyển CPNVLTT tháng 3			2.340.220.864
		……			
		Cộng phát sinh tháng 3		**2.340.220.864**	**2.340.220.864**
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập **Kế toán trưởng**

Đã ký Đã ký

2.2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

a, Nội dung

Tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh, khối lượng xây lắp nhiều, chủ yếu được thực hiện bằng lao động phổ thông. Do hoạt động xây dựng trên nhiều địa bàn khác nhau, với đặc trưng của công trình khoán gọn là sử dụng lao động hợp đồng ngắn hạn nên công ty sẽ thuê nhân công ở chính địa phương đó, nhờ đó tiết kiệm được một khoản đáng kể trong chi phí quản lý doanh nghiệp và cũng vì thế, bộ phận lao động trực tiếp trong công ty chủ yếu là lao động ngoài danh sách (lao động hợp đồng ngắn hạn và thuê ngoài).

Khi có nhu cầu thuê lao động, đội trưởng tiến hành kí hợp đồng làm khoán với các tổ đội sản xuất ở tại địa phương đó. Đối với lao động thuê ngoài, công ty không tiến hành trích các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho họ mà chỉ tính toán hợp lý trong đơn giá nhân công trực tiếp trả cho người lao động. Khi công việc hoàn thành, đội trưởng công trình sẽ tiến hành kiểm tra và lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, biên bản thanh toán, biên bản thanh lý hợp đồng với đại diện tổ thuê ngoài mà không tiến hành chấm công và tính lương. Khi hạch toán khấu trừ 10% thuế TNCN đối với nhân công thuê ngoài có mã số thuế và khấu trừ 20% thuế TNCN đối với công nhân thuê ngoài không có mã số thuế.

b, Chứng từ sử dụng

Hợp đồng làm khoán, biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành, bảng thanh toán khối lượng công việc,…

c, Tài khoản sử dụng

TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp.

d, Phương pháp hạch toán:

Trong tháng 3/2012, công trình hạng mục 4 Ba Chẽ có ký hợp đồng làm khoán:

Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 1 tháng 3 năm 2012

HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN

Thi công công trình: Hạng mục 4 Ba Chẽ

Căn cứ quyết định kỹ thuật của công ty XDCTGT Quảng Ninh

Căn cứ kế hoạch năm 2012 của Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh

Chúng tôi gồm:

I, Đại diện công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh (bên A):

Ông: Trần Đình Hải

Trụ sở: Số 1 Lê Thánh Tông, Hồng Gai, TP Hạ Long,Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0333 825364

II, Đại diện Công ty XDCTGT Quảng Ninh (bên B):

Ông: Trần Hải Nam – Giám đốc

Trụ sở: 90 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại: 0333 876 264

Đã bàn bạc và đi đến thống nhất ký hợp đồng kinh tế thuê lao động

Hai bên đã nhất trí ký hợp đồng với cá điều khoản như sau:

Điều 1: Giao nhận thi công

Bên A giao cho bên B lao vụ phần nhân công thi công hạng mục cầu với nội dung yêu cầu kỹ thuật và đơn giá như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn giá
1	**Xây cọc**	**150.000đ/m2**
2	**Trát cọc**	**70.000đ/m2**
3	**Gia công cốt thép cột**	**1.000.000đ/tấn**
4	**Đổ bê tông**	**130.000đ/m3**

Điều 2: Trách nhiệm của các bên tham gia

Điều 3: Hình thức hợp đồng

Lao vụ phần công nhân thi công

Điều 4: Thời hạn hợp đồng

Khởi công: 1/3/2012

Hoàn thành: 31/3/2012

Điều 5: Hình thức thanh toán

Thanh toán bằng tiền mặt

Điều 6: Trách nhiệm và cam kết của các bên ký hợp đồng

ĐẠI DIỆN **CÔNG TY TNHH MTV CẦU, PHÀ QUẢNG NINH**	**ĐẠI DIỆN** **CÔNG TY XDCTGT QUẢNG NINH**
Đã ký	*Đã ký*

Thi công xong, cán bộ kỹ thuật sẽ tiến hành nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành, lập biên bản nghiệm thu chất lượng, sau đó 2 bên lập biên bản thanh toán khối lượng công việc.

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Công trình: Hạng mục 4 Ba Chẽ

Hạ Long, ngày 31 tháng 3 năm 2012

Chúng tôi gồm có:

I, Đại diện công ty (bên A):

Ông: Trần Đình Hải – Giám Đốc

Trụ sở: Số 1 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0333 876 276

II, Đại diện công ty XDCTGT (bên B)

Ông: Trần Hải Nam – Phó GĐ

Trụ sở: 90 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại: 0333 876 264

Nội dung:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế ngày 01 tháng 03 năm 2012

Căn cứ khối lượng hoàn thành

STT	Nội dung công việc	SL	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
1	Xây cọc	72.0	m2	150,000	10,800,000
2	Trát cọc	72.0	m2	70,000	5,040,000
3	Gia công cốt thép cột	48,75	Tấn	1.000.000	48,750,000
4	Đổ bê tông	321.4	m3	130,000	41,780,000
					106,370,000

Hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng như sau:

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn./

Kết luận: toàn bộ khối lượng công việc trên đã được bên B thi công đảm bảo các yêu cầu về chất lượng.

Hai bên đồng ý nghiệm thu thanh toán hợp đồng với giá trị trên.

Đại diện công ty xây dựng Đại diện phòng kỹ thuật c.ty Đại diện C.ty XDCTGTPhó Giám Đốc Trưởng phòng Giám Đốc

Đã ký Đã ký Đã ký

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN

Mẫu số: 01a-LĐTL
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CHẤM CÔNG

Bộ phận công nhân xây lắp

Tháng 03 năm 2012

TT	Họ và Tên	Số ngày trong tháng								Tổng số công	Công thời gian	Công nghỉ phép lễ	Công hưởng 100%	Công làm thêm		Hội nghị học tập	Nghỉ bù
		1	2	3	…	…	…	30	31					Ngày thường (150%)	T7,CN lễ (200%)		
1	Nguyễn Quang Minh	x	x		x	x		x	X	26							
2	Lê Cường	x	x	X	x			x	X	26							
3	Nguyễn Lan Anh	x		X	x	x		x	X	26							
4	Nguyễn Mai Hương	x	x/2	X	x	x		x	X	26,5							
5	Đào Thị Hoa	x	x	X	x	x			X	26							
6	Lê Quang Hưng	x	x	X	x	x		x	X	27							
	Tổng cộng									157,5							

Người chấm công
Đã ký

Người lập
Đã ký

Bảng tính và thanh toán tiền lương

Bộ phận nhân viên xây lắp

Tháng 03 năm 2012

TT	Họ và tên	L.C.B	Lương					Phụ cấp	Tổng lương	Các khoản giảm trừ			Thu nhập trước thuế	Thuế TNCN	Lương còn được lĩnh	Ký nhận
			Ngày công tt	Hệ số lương	Công hệ số	Suất phân phôi	Thành tiền			BHYT (1,5%)	BHXH (7%)	BHTN (1%)				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6=4x5)*	*(7)*	*(8=6x7)*	*(9)*	*(10=3+8+9)*	*(11=3*5*1,5%)*	*(12=3*5*7%)*	*(13=3*5*1%)*	*(14=10-11-12-13)*	*(15)*	*(16=14-15)*	
1	Nguyễn Quang Minh	1.050.000	26	3.5	91	58,.556	5.328.606	1.102.500	7.481.106	55.125	257.250	36.750	7.131.981	156.599	6.975.382	
2	Lê Cường	1.050.000	26	3.2	83.2	58,556	4.871.868	1.008.000	6.929.868	50.400	235.200	33.600	6.610.668	130.533	6.480.135	
3	Nguyễn Lan Anh	1.050.000	26	3.2	83.2	58,556	4.871.868	1.008.000	6.929.868	50.400	235.200	33.600	6.610.668	130.533	6.480.135	
4	Nguyễn Mai Hương	1.050.000	26.5	2	53	58,556	3.103.474		4.153.474	31.500	147.000	21.000	3.953.975	-	3.953.975	
5	Đào Thị Hoa	1.050.000	26	1.78	46.3	58,556	2.709.977		3.759.977	28.035	130.830	18.690	3.582.422	-	3.582.422	
6	Lê Quang Hưng	1.050.000	27	1.78	48.1	58,556	2.814.207		3.864.207	28.035	130.830	18.690	3.686.652	-	3.686.652	
	Tổng	6.300.000	157.5	15	405	351,337	23.700.000		33.118.500	243.295	1.136.310	162.330	31.576.365	417.666	31.158.699	

Người lập
Đã ký

Kế toán trưởng
Đã ký

Giám đốc
Đã ký

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh
Địa chỉ: Số 1 lê Thánh Tông, Hạ Long, QN

Mẫu số: S02a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C		
Trả lương nhân viên thuê ngoài	622	111	106.370.000	
Tính lương cho nhân viên xây lắp	622	334	33.118.500	
Cộng	**x**	**x**	**139.488.500**	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập	**Kế toán trưởng**
(Họ tên)	*(Họ tên)*
Đã ký	Đã ký

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh

Địa chỉ: Số 1 Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp SHTK: 622

Tên đối tượng: Hạng mục 4 Ba Chẽ

Tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Số chứng từ		Nội dung	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
31/03	03/03	31/3	Trả lương nhân viên thuê ngoài	111	106.370.000	
31/03	03/03	31/3	Tính lương cho nhân viên xây lắp hạng mục 4	334	33.118.500	
31/03			Kết chuyển chi phí NCTT: Hạng mục 4	154		139.488.500
			Cộng số phát sinh		**139.488.500**	**139.488.500**
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập **Kế toán trưởng**

Đã ký Đã ký

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu , phà Quảng Ninh **Mẫu số: S03b – DN**

Địa chỉ: Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, QN *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp (SHTK: 622)

Tháng 3 năm 2012

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu tháng			
			……			
31/03	03/03		Trả lương cho nhân viên thuê ngoài hạng mục 4	111	106.370.000	
31/03	03/03		Tính lương cho nhân viên xây lắp hạng mục 4	334	33.118.500	
			…			
31/03			Kết chuyển CPNCTT	154		340.000.000
			…..			
			Cộng phát sinh tháng 3		**340.000.000**	**340.000.000**
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31tháng 03 năm 2012

Người lập **Kế toán trưởng**

Đã ký Đã ký

2.2.2.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

a, Nội dung:

Máy thi công của công ty đang được trang bị tương đối đầy đủ, có công nghệ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng được nhu cầu xây dựng của công ty cũng như nhu cầu chất lượng của công trình. Máy thi công của công ty thường có giá trị lớn, gồm nhiều loại khác nhau như các loại máy vận thăng, máy trộn bê tông, máy đầm bàn ...

Chi phí máy thi công tính cho từng công trình, hạng mục công trình được hạch toán dựa trên số liệu nguyên vật liệu, CCDC phục vụ cho máy thi công từng công trình, hạng mục công trình, chi phí sửa chữa máy thi công được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình. Chi phí khấu hao dựa trên số ca máy phục vụ cho từng công trình hạng mục công trình.... Trong trường hợp không có máy thi công phù hợp, công ty có thể thuê ngoài máy thi công. Xí nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức kế toán riêng cho đội. Các chi phí phát sinh liên quan đến sử dụng máy thi công của công trình,

hạng mục công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Những chi phí không tập hợp được trực tiếp thì tiến hành phân bổ theo số ca máy hoạt động trong tháng.

Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng kê dịch vụ mua ngoài, bảng tính và phân bổ khấu hao

b, Tài khoản sử dụng

Tài khoản công ty sử dụng **TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công,** ghi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình theo yêu cầu.

c, Các chứng từ sử dụng

Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng khấu trích khấu hao máy thi công, bảng phân bổ chi phí máy thi công…

d, phương pháp hạch toán

…

**Chi phí nhân công* :

Ở mỗi công trình có 1 tổ trưởng phụ trách máy, chịu trách nhiệm quản lý lao động trong tổ và chịu trách nhiệm trước đội công trình về phần việc của tổ mình thực hiện, hàng ngày tổ trưởng theo dõi lao động của mình bằng bảng chấm công.

.

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN

CÔNG TY TNHH MTV CẦU, PHÀ QN

Mẫu số: 01a-LĐTL
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CHẤM CÔNG

Bộ phận công nhân lái máy thi công

Tháng 03 năm 2012

TT	Họ và Tên	Số ngày trong tháng								Tổng số công	Công thời gian	Công nghỉ phép lễ	Công hưởng 100%	Công làm thêm		Hội nghị học tập	Nghỉ bù
		1	2	3	…	…	…	30	31					Ngày thường (150%)	T7, CN lễ (200%)		
1	Phan Đình Hải	X	X		x	X		X	x	24.0							
2	Lương Văn Can	X	X	x	x			X	x	24.0							
3	Nguyễn Văn Thi	X	X			X		X		24.0							
4	Trần Lê Đức	X	X		x			X	x	24.0							
5	Nguyễn Hải Nam	X	X			X				24.0							

Người chấm công
Đã ký

Người lập
Đã ký

Bảng tính và thanh toán tiền lương

Bộ phận công nhân lái máy thi công

Tháng 03 năm 2012

TT	Họ và tên	L.C.B	Lương					Phụ cấp	Tổng lương	Các khoản giảm trừ			Thu nhập trước thuế	Thuế TNCN	Lương còn được lĩnh	Ký nhận
			Ngày công tt	Hệ số lương	Công hệ số	Suất phân phôi	Thành tiền			BHYT (1,5%)	BHXH (7%)	BHTN (1%)				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6=4x5)*	*(7)*	*(8=6x7)*	*(9)*	*(10=3+8+9)*	*(11=3*5*1,5%)*	*(12=3*5*7%)*	*(13=3*5*1%)*	*(14=10-11-12-13)*	*(15)*	*(16=14-15)*	
1	Phan Đình Hải	1.050.000	24,0	1,78	42,72	45.482	1.942.991		2.992.991	28.035	130.830	18.960	2.815.424		2.815.424	
2	Lương Văn Can	1.050.000	24,0	1,78	42,72	45.482	1.942. 991		2.992.991	28.035	130.830	18.960	2.815.424		2.815.424	
3	Nguyễn Văn Thi	1.050.000	24,0	1,78	42,72	45.482	1.942.991		2.992.991	28.035	130.830	18.960	2.815.424		2.815.424	
4	Trần Lê Đức	1.050.000	24,0	1,78	42,72	45.482	1.942.991		2.992.991	28.035	130.830	18.960	2.815.424		2.815.424	
5	Nguyễn Hải Nam	1.050.000	24,0	1,78	42,72	45.482	1.942.991		2.992.991	28.035	130.830	18.960	2.815.424		2.815.424	
	Tổng	5.250.000	120	8,9	213,6	227,41	9.714.955		14.964.955	140.175	654,150	94.800	14.077.120		14.077.120	

Người lập **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Chi phí khấu hao máy thi công:

Tại công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh: khấu hao TSCĐ nói chung và khấu hao máy thi công nói riêng đều được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng (khấu hao đều). Cách tính như sau:

Công ty tính khấu hao tròn tháng.

$$\textbf{Mức khấu hao bình quân năm} = \frac{\textbf{Nguyên giá}}{\textbf{Số năm sử dụng}}$$

$$\textbf{Mức khấu hao tháng} = \frac{\textbf{Nguyên giá}}{\textbf{Số năm sử dụng} \times 12}$$

BẢNG TÍNH KHẤU HAO MÁY THI CÔNG

Tháng 3 năm 2012

STT	Tên tài sản	TG đưa vào sử dụng	Số năm sd	Nguyên giá	GTHM lũy kế đến cuối tháng 2/2012	Mức trích KH tháng 3/12	Hao mòn luỹ kế	Giá trị còn lại
…	…	…	…	…	…	…	…	…
3	Thiết bị trượt	T1/2009	8	60.762.700	24.051.872	632,944	24.684.816	36.077.884
4	Máy trộn bê tông	T6/2008	8	33.400.000	15.308.304	347,916	15.656.220	17.743.780
5	Xe bơm bê tông	T1/2010	8	12.000.000	3.250.000	125.000	3.375.000	8.625.000
6	Máy đầm bà	T7/2006	8	288.000.000	201.000.000	3,000,000	204.000.000	84.000.000
	Cộng			**694.162.700**	**343.610.176**	**7.105.860**	**347.716.036**	**246.446.664**

**Chi phí vật liệu*

Chi phí vật liệu bao gồm chi phí phục vụ cho máy thi công hoạt động như: dầu mỡ, bình điện,… được hạch toán tương tự như chi phí NVL trực tiếp.

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/12P

Số: **0000103**

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Nam Sơn**

Mã số thuế: **5701224566**

Địa chỉ: Tiên Lãng – Tiên Yên - Quảng Ninh

Điện thoại: …… Fax: ……

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh**

Địa chỉ: Số 1 Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh

Hình thức thanh toán:……TM…… Mã số thuế:

5	7	0	0	4	7	1	2	6	8

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6=4x5**
01	Dầu diezel	lít	450	20.000	9.000.000

Cộng tiền hàng:…….9.000.000

Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT:……..……..900.000

Tổng cộng tiền thanh toán:……..9.900.000

Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chin trăm ngàn đồng chẵn./.

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)

Từ các chứng từ gốc liên quan đến các khoản chi phí nhân công, nguyên vật liệu, khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ máy thi công trên, kế toán lập chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh
Địa chỉ: Số 1 Lê Thánh Tông, Hạ Long, QN

Mẫu số: S02a – DNL
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C		
Tính lương cho nhân viên lái máy	623	334	14.077.120	
Chi phí khấu hao máy thi công	623	214	7.105.860	
Chi phí nguyên vật liệu dùng cho MTC	623	152	9.000.000	
Cộng	**X**	**x**	**30.182.980**	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập	**Kế toán trưởng**
(Họ tên)	*(Họ tên)*
Đã ký	Đã ký

Cuối tháng kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công chi tiết cho từng công trình. Những chi phí sử dụng máy thi công liên quan đến nhiều công trình thì được tập hợp và phân bổ vào cuối mỗi tháng.

Ở công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh chi phí sử dụng máy thi công chủ yếu là chi phí cần phân bổ. Số theo dõi cho từng công trình không nhiều và chủ yếu là theo dõi cho những công trình lớn hoặc quan trọng.

$$\textit{Chi phí sử dụng máy thi công phân bổ cho công trình A} = \frac{\textit{Tổng chi phí sử dụng máy thi công}}{\textit{Tổng giá thành dự toán của các công trình tính đến thời điểm phân bổ}} \times \textit{Giá thành dự toán của công trình A}$$

- Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công:

Sau khi xác định được tất cả các chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong tháng, kế toán tiến hành phân bổ cho từng công trình theo giá thành dự toán của các công trình.

Tổng chi phí sử dụng máy thi công (phần chi phí dùng chung toàn công ty cần phân bổ) trong tháng 3 năm 2012 của công ty là **40.540.653** đồng.

Tổng giá thành dự toán của các công trình thi công trong tháng là: **2.084.284.391**đồng.

Giá thành dự toán của các công trình thi công trong tháng 3 là :

- **Hạng mục 4 Ba Chẽ: 1.304.284.391**đồng**.**
- **Hạng mục 2 Vân Đồn: 780.000.000** đồng.

Vậy phần chi phí sử dụng máy thi công phân bổ cho từng công trình là:

$$\text{Chi phí 623 phân bổ ĐH hạng mục 4 Ba Chẽ} = \frac{\mathbf{30.182.980}}{\mathbf{2.084.284.391}} \times \mathbf{1.304.284.391} = \mathbf{18.887.629}$$

$$\text{Chi phí 623 phân bổ ĐH hạng mục 2 Vân Đồn} = \frac{\mathbf{30.182.980}}{\mathbf{2.084.284.391}} \times \mathbf{780.000.000} = \mathbf{11.295.351}$$

C.TY TNHH 1 THÀNH VIÊN CẦU, PHÀ QUẢNG NINH
Số 1 Lê Thánh Tông- Hồng Gai- Hạ Long- Quảng Ninh

Mẫu số S38 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Công trình	Giá thành dự toán	Chi phí sử dụng máy thi công
1	**Hạng mục 4 Ba Chẽ**	1.304.284.391	18.887.629
2	**Hạng mục 2 Vân Đồn**	780,000,000	11.295.351
	Cộng	**2.084.284.391**	**40.540.653**

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu	**TP kế toán**	**Thủ trưởng đơn vị**
(kí tên)	*(kí tên)*	*(kí tên)*

C.TY TNHH MTV CẦU, PHÀ QN
Hồng Gai- Hạ Long- Quảng Ninh

Mẫu số S36 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu: 623*(Toàn công ty)*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ tài khoản				
SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra			
					Chi phí NC	CP NVL	CPKH	…
		Số dư đầu kỳ						
		…						
04	31/03	Thanh toán lương cho nhân viên lái máy T3	334	**14.077.120**	14.077.120			
04	31/03	Chi phí khấu hao máy thi công	214	**7.105.860**			7.105.860	
04	31/03	Chi phí nguyên vật liệu dùng cho MTC	152	**9.000.000**		9.000.000		
		…						
		Cộng số phát sinh		**30.182.980**				
		Ghi có TK	154	**30.182.980**	**14.007.120**	**9.000.000**	**7.105.860**	
		Số dư cuối kỳ						

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu , phà Quảng Ninh **Mẫu số: S03b – DN**

Địa chỉ: Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, QN *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí máy thi công

SH: 623

Tháng 3 năm 2012

NT GS	Chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu tháng			
			……			
31/3	04	31/03	Trả lương nhân viên vận hành máy thi công	334	14.077.120	
			……			
31/3	04	31/03	Chi phí khấu hao máy thi công	214	7.105.860	
31/3	HĐ 000103	31/03	Chi phí NVL dùng cho máy thi công	331	9.000.000	
			…			
31/3	06	31/03	Kết chuyển CP sử dụng máy thi công	154		30.182.980
			Cộng SPS tháng 3		**30.182.980**	**30.182.980**
			Số dư cuối tháng 3			

Ngày 31tháng 03 năm 2012

Người lập **Kế toán trưởng**

Đã ký Đã ký

2.2.2.4 Kế toán chi phí sản xuất chung:

a, Nội dung

Chi phí sản xuất chung: bao gồm tiền lương, phụ cấp lương của nhân viên quản lý đội của xí nghiệp, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công, nhân viên quản lí đội 1 thuộc biên chế công ty); chi phí công cụ; các khoản khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động quản lí của xí nghiệp, các chi phí dịch vụ mua ngoài và những chi phí bằng tiền khác phục vụ cho công tác thi công như: lãi vay, chi phí giao nhận mặt bằng, đo đạc, nghiệm thu, bàn giao công trình,...

Nếu như các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp phát sinh ở công trình nào thì được phép tính cho từng công trình, hạng mục công trình. Nếu như các khoản chi phí thực tế phát sinh nhỏ hơn chi phí cho

phép tính cho công trình thì có thể phân bổ các chi phí khác tính vào cho công trình đó, ví dụ như chi phí tiền lương nhân viên quản lý xí nghiệp, các chi phí khấu hao công cụ, dụng cụ, chi phí khác,... Số chi phí tính gọn luôn cho 1 công trình này cũng là để thuận lợi cho công việc tính toán, vẫn đảm bảo đúng theo nguyên tắc trọng yếu. Và việc phân bổ chi phí này có thể tính theo doanh thu kế toán của xí nghiệp, hoặc giá trị sản lượng, hoặc chi phí thực tế phát sinh tại xí nghiệp, ...

Tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh, khoản mục này bao gồm các yếu tố chủ yếu

TK 6271 – Chi phí nhân viên

TK 6272 – Chi phí vật liệu

Tk 6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274 – Chi phí khấu hao

TK 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278 – Chi phí bằng tiền khác

Những tài khoản cấp 2 này được mở tuỳ theo chi phí phát sinh trong kỳ

b,Các chứng từ và sổ kế toán sử dụng:

Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Các hoá đơn GTGT, sổ chi tiết TK 627, bảng phân bổ chi phí quản lý, sổ cái TK 627,...

c, Tài khoản sử dụng

TK 627: chi phí sản xuất chung

d, Phương pháp hạch toán

……

Ví dụ:

1. Thanh toán lương cho nhân viên quản lý công trường số tiền: 4.461.128 đồng.

- Nợ TK 627: 4.461.128
  Có TK 334: 4.461.128

2. Trích lương cho nhân viên quản lý công trường, công nhân sử dụng máy thi công (BHXH, BHYT, BHTN…) theo đúng quy định

- Nợ TK 627: 4.263.797
  Nợ 334: 1.761.133
  Có 338: 5.024.930

3. Thanh toán chi phí dịch vụ mua ngoài

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)
Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT2/001
Ký hiệu: AL/12P
Số HĐ: 0001237

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH 1TV KINH DOANH NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH
Địa chỉ: Số 449 – Đường Nguyễn Văn Cừ - Tp. Hạ Long - Quảng Ninh
Mã số thuế: 5700100104

Tên khách hàng: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh
Địa chỉ: Số 1 Lê Thánh Tông, Hồng Gai, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế KH: 5700471268

Chỉ số mới: Chỉ số cũ: m^3 tiêu thụ: 100

Chi tiết tiêu thụ ($m^{3)}$	**Đơn giá (đ/$m^{3)}$**	**Thành tiền (đồng)**
100	9000	900.000
Cộng:		900.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:		90.000
Tổng cộng tiền thanh toán:		**990.000**

Số tiền viết bằng chữ: : **Chín trăm chin mươi nghìn đồng chẵn./**

Người thu tiền	**Người mua hàng**
Đã ký	Đã ký

EVN NPC
PC QUANGNINH

HOÁ ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01GTKT2/001
Ký hiệu: CT/12T
Số: **0023840**

Công ty Điện lực Quảng Ninh
Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hà, TP Hạ Long, Quảng Ninh
Điện thoại: 2210900
Tên khách hàng: Công ty TNHH MTV Cầu, phà Quảng Ninh
Địa chỉ: Số 1 Lê Thánh Tông – Hồng Gai – Hạ Long - Quảng Ninh
Số điện thoại: 0333.825364 MST: 5700471268

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Hệ số	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
01	Điện	1	1000	1.370	1.370.000
Cộng					1.370.000
Thuế suất GTGT 10% Thuế GTGT:					137.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.507.000

Số tiền viết bằng chữ: **Một triệu lăm trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn./**

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người nộp tiền ký **Bên bán điện ký**

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh
Địa chỉ: Số 1 Lê Thánh Tông, Hồng Gai, HL, QN

Mẫu số: S02a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 05

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C		
Tính lương cho nhân viên quản lý công trường	627	334	4.461.128	
Trích lương cho nhân viên quản lý công trường, nhân công sử dụng máy thi công	627	338	4.263.797	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	627	331	2.270.000	
Cộng	**X**	**X**	**10.994.925**	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập	**Kế toán trưởng**
(Họ tên)	*(Họ tên)*
Đã ký	Đã ký

C.TY TNHH MTV CẦU, PHÀ QUẢNG NINH
Hồng Gai- Hạ Long- Quảng Ninh

Mẫu số S36 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí quản lý thi công

Số hiệu: 627 (Hạng mục 4 Ba Chẽ)

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ tài khoản				
SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra			
					Chi phí nhân công	CP dịch vụ mua ngoài	Chi phí khấu hao	…
		Số dư đầu kỳ						
		…						
05	31/3	Tính lương cho nhân viên quản lý công trường	334	**4.461.128**	4.461.128			
05	31/3	Trích lương cho nhân viên quản lý công trường, công nhân sử dụng máy thi công	338	**4.263.797**	4.263.797			
05	31/3	Chi phí dịch vụ mua ngoài		**2.270.000**		2.270.000		
		Cộng số phát sinh		**10.994.925**	**8.724.925**	**2.270.000**		
		Số dư cuối kỳ						

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu , phà Quảng Ninh **Mẫu số: S03b – DN**
Địa chỉ: Lê Thánh Tông, Hồng Gai, Hạ Long, QN *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tài khoản:Chi phí sản xuất chung (SHTK: 627)

Tháng 3 năm 2012

Chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	**NT**			**NỢ**	**CÓ**
		Số dư đầu tháng			
		……			
05	31/03	Tính lương nhân viên quản lý công trường	334	4.461.128	
05	31/03	Trích lương cho nhân viên quản lý công trường, công nhân lái máy thi công	338	4.263.797	
05	31/03	Chi phí dịch vụ mua ngoài	331	2.270.000	
06	31/03	Kết chuyển CPSXC CT4	154		11.756.058
		…			
		Cộng phát sinh tháng 3		**33.940.232**	**33.940.232**
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập **Kế toán trưởng**

Đã ký Đã ký

Đơn vị: Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh
Địa chỉ: Hồng Gai, Hạ Long, QN

Mẫu số: S02a – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 06

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C		
Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	154	621	2.340.220.864	
Kết chuyển chi phí nhân công TT	154	622	340.000.000	
Kết chuyển chi phí máy thi công	154	623	30.182.980	
Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154	627	33.940.232	
Cộng	**X**	**X**	**2.744.344.076**	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập	**Kế toán trưởng**
(Họ tên)	*(Họ tên)*
Đã ký	Đã ký

2.2.2.5 Tính giá thành sản phẩm hoàn thành:

Đối tượng tính giá thành sản phẩm của công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh là công trình, kỳ tính giá thành là từ khi khởi công tới khi hoàn thành bàn giao, vì vậy công ty không có sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Đó là phương pháp dựa trên cơ sở tổng số chi phí mà kế toán đã tập hợp được trong kỳ.

Công thức tính giá thành công trình:

$$\mathbf{Z = D_{đk} + C - D_{ck}}$$

Trong đó:

Z là giá thành giai đoạn công trình hoàn thành

$D_{đk}$ là giá trị dở dang đầu kỳ

C là chi phí phát sinh trong kỳ

D_{ck} là chi phí dở dang cuối kỳ

Theo đó thẻ tính giá thành, công trình hạng mục 4 Ba Chẽ không có chi phí dở dang cuối kỳ nên giá thành công trình hoàn thành được tính như sau:

Z= 0 +1.080.204.500 + 139.488.500 +18.887.629+ 10.944.925 – 0 = 1.249.525.554 đồng

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC 4 BA CHẽ

Thời gian: từ ngày 01/03/2012 đến ngày 31/03/2012

Đơn vị tính: VNĐ

Tên công trình hạng mục	CP Dở dang đầu kỳ	CP sản xuất phát sinh trong kỳ					CP Dở dang cuối kỳ
		CP Nguyên Liệu	CP Nhân Công	CP Máy	CP Chung	Cộng tổng	
Hạng mục 4 Ba Chẽ	**0**	1.080.204.500	139.488.500	18.887.629	10.944.925	1.249.525.554	0
Cộng	**0**	1.080.204.500	139.488.500	18.887.629	10.944.925	1.249.525.554	0

(Ban hành kèm theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ)

Tên Chủ đầu tư : Công ty cổ phần tập đoàn Nam Cường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội ngày31 tháng 03 năm 2012.

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH HOẶC CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1. Công trình/hạng mục công trình: Hạng mục 4 Ba Chẽ

2. Địa điểm xây dựng:

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Phía chủ đầu tư:công ty CP tập đoàn Nam Cường

- Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư : *Vũ Lê Hòa – Giám Đốc*

- Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình : *Nguyễn Văn Lương – Tổ trưởng đội thi công 708/Công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh*

b) Phía nhà thầu thi công xây dựng công trình : *Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh*

- Người đại diện theo pháp luật : *Trần Đình Hải –Tổng Giám Đốc Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh.*

- Người phụ trách thi công trực tiếp : *Nguyễn Văn Lương – Tổ trưởng đội thi công 708/Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh*

c**)** Phía nhà thầu thiết kế xây dựng công trìnhtham gia nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng công trình: *Công ty CP Tư vấn thiết kế đường bộ*

- Người đại diện theo pháp luật : Nguyễn Bá Sơn - Giám Đốc

- Chủ nhiệm thiết kế : *Nguyễn Quang Sáng – trưởng Phòng TK*

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu : ngày 01 tháng 03 năm 2012

Kết thúc : ngày 31 tháng 03 năm 2012

Tại: Thị trấn Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu;

b) Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật);

c) Các ý kiến khác nếu có.

6. Kết luận :

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng.
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác nếu có.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

NHÀ THẦU GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	**CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*
Đã ký	*Đã ký*
NHÀ THẦU THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	**NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**
(ký tên, ghi rõ họ và tên, chức vụ và đóng dấu);	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*
Đã ký	Đã ký

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có; - Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP & KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẦU, PHÀ QUẢNG NINH

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh.

Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh là một doanh nghiệp Nhà nước hiện đang hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, được thành lập ngay sau những ngày đất nước giải phóng. Những năm vừa qua, công ty đã có những đóng góp không nhỏ vào công cuộc xây dựng và cải tạo nước nhà. Trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi sang cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, công ty đã vững vàng vượt qua những khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành xây dựng nói riêng. Trong quá trình hoạt động, công ty luôn tìm cách tiếp cận thị trường, mở rộng quy mô kinh doanh, tự tìm kiếm và tham gia các cuộc đấu thầu xây dựng. Là một doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm, cùng với sự nỗ lực hết mình của bản thân doanh nghiệp, cũng như sự giúp đỡ của các đơn vị hữu quan, đơn vị chủ quan, công ty đã không ngừng lớn mạnh và từng bước khẳng định mình trên thị trường với sản phẩm xây lắp có chất lượng tốt, kiểu dáng đẹp, giá thành hợp lý, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Để làm được điều này, công ty đã áp dụng nhiều biện pháp tổng hợp, trong đó việc quản lý chi phí tiết kiệm và hạ giá thành là một biện pháp vô cùng quan trọng. Vì vậy, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giữ một vị trí không hề nhỏ trong thành công chung của công ty.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế về công tác quản lý, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí, giá thành nói riêng, em nhận thấy công ty đã xây dựng được mô hình quản lý và hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện nay. Nhìn chung công tác kế toán tại công ty đã chấp hành đúng mọi chế độ, chính sách của Nhà nước cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực và cho doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây lắp. Về phương pháp hạch toán, trên cơ sở tuân thủ theo đúng nguyên tắc, chuẩn mực, công ty cũng có thay đổi một số cách làm truyền thống để phù hợp với tình hình thực tế của công ty và để đơn giản hoá công việc kế toán mà không làm ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin trung thực, hợp lý, chính xác, kịp thời cho các đối tượng

sử dụng thông tin của tài chính kế toán. Tuy nhiên, cũng còn một số hạn chế trong tổ chức công tác kế toán cần công ty tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hệ thống kế toán cho phù hợp thời kỳ mới và để đảm bảo hơn nữa tính chính xác, trung thực của thông tin.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập, lần đầu làm quen với thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số đánh giá của cá nhân về kết quả đạt được và tồn tại cần hoàn thiện trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh.

3.1.1 Đánh giá chung về công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh

** Về bộ máy quản lý:*

Bộ máy quản lý của công ty ko ngừng cải thiện và ngày càng gọn nhẹ; có sự phân công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, đảm bảo việc cung cấp đã phát huy được tính chủ động và khả năng tiềm tàng của các xí nghiệp trực thuộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty có đội ngũ cán bộ có trình độ, đầy nhiệt huyết với nghề, cùng bước trẻ hoá nhân sự cùng chung tay, góp sức vì sự phát triển bền vững của công ty. Tổ chức bộ máy quản lý khoa học, có hiệu quả, phân công đúng người, đúng việc đã góp phần rất lớn trong việc giữ vững và chiếm lĩnh thị trường, khẳng định uy tín và thương hiệu công ty của công ty, đảm bảo về chất lượng - giá thành - tiến độ các công trình.

** Về bộ máy kế toán:*

Công ty chủ động lựa chọn, xây dựng bộ máy kế toán theo mô hình kế toán tập trung phù hợp với đặc điểm tổ chức, quy mô và phạm vi hoạt động của công ty. Cán bộ kế toán nắm vững về nguyên tắc, chế độ kế toán, tác phong làm việc nghiêm túc, có tinh thần trợ giúp lẫn nhau trong công việc vì lợi ích chung. Phòng kế toán công ty gồm 07 người được phân công nhiệm vụ rõ ràng và chịu trách nhiệm trực tiếp với kế toán trưởng và ban giám đốc công ty. Các kế toán viên dưới xí nghiệp chịu sự quản lý của phòng kế toán công ty và đảm nhận toàn bộ công việc hạch toán ban đầu của đơn vị mình rồi báo cáo với phòng kế toán công ty. Bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ cho mọi đối tượng sử dụng thông tin.

Tuy công ty không có bộ phận kế toán quản trị riêng mà bộ phận kế toán tài chính vẫn làm luôn vai trò của kế toán quản trị, nhưng do trong quá trình hạch toán công ty đã chi tiết đến mức có thể các khoản mục chi phí theo đúng đối

tượng tập hợp chi phí, cũng như đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình cụ thể nên kế toán tài chính có thể thông qua việc lọc số liệu có thể làm được báo cáo quản trị cho ban lãnh đạo công ty khi có nhu cầu sử dụng những thông tin này.

** Về hệ thống sổ sách báo cáo tài chính:*

Công ty đã mở các sổ kế toán chi tiết để hạch toán chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình đảm bảo cho việc theo dõi, quản lý chặt chẽ các khoản mục chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp, đồng thời tính toán được hiệu quả hoạt động của từng xí nghiệp cũng như toàn công ty khi tham gia thi công công trình, hạng mục công trình đó.

Hệ thống sổ sách, báo cáo của công ty là tương đối đầy đủ, khoa học, đúng theo yêu cầu về chính sách, chế độ của Nhà nước, các cơ quan hữu quan. Tuy nhiên, công ty cũng cần nhanh chóng tổ chức lại hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách báo cáo theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC để theo kịp với chính sách kế toán mới ban hành của Nhà nước, thuận lợi hơn cho quá trình hội nhập với nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

** Về công tác kế toán tập hợp chi phí SX và tính giá thành sản phẩm xây lắp:*

Công ty đã xác định được đúng đối tượng tập hợp chi phí, đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành và các phương pháp tập hợp chi phí, phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp phù hợp với đặc điểm bộ máy tổ chức quản lý, tổ chức thi công và quy trình sản xuất kinh doanh của công ty.

Việc tập hợp chi phí sản xuất là tương đối khoa học, đúng định mức, đúng chế độ. Các chi phí phát sinh được tập hợp chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình theo từng khoản mục qua việc hạch toán ban đầu tại xí nghiệp, sau đó gửi về phòng tài chính kế toán công ty để nhập liệu, vào sổ và quản lý chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí, theo từng xí nghiệp thi công. Các chi phí được tập hợp theo phương pháp trực tiếp theo từng công trình, hạng mục công trình đến mức có thể trong điều kiện cho phép; còn các chi phí gián tiếp không tập hợp trực tiếp được thì công ty tiến hành phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo tiêu thức phân bổ phù hợp.

Về phương pháp tính giá thành của công ty rất nhanh chóng và tương đối chính xác do dựa vào doanh thu kết toán hay quyết toán của cả hai bên chủ đầu tư, đại diện công ty và xí nghiệp thi công chấp nhận; tạo điều kiện để xác định

kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của công ty. Nhưng để đảm bảo cho việc theo dõi chi phí phát sinh theo từng khoản mục kế toán nên đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm theo các phương pháp cụ thể.

Những ưu điểm kể trên có tác dụng rất lớn trong quá trình xây dựng và lớn mạnh của công ty trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu và nhiệm vụ của công tác kế toán, công tác quản lý trong thời đại mới, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận một số mặt còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí giá thành nói riêng của công ty.

3.1.2 Những tồn tại và nguyên nhân:

3.1.2.1Về quá trình luân chuyển chứng từ:

Tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh hiện nay, việc luân chuyển chứng từ từ một số đội xây dựng lên phòng kế toán công ty vẫn tập trung vào cuối tháng làm cho công tác cập nhật thông tin của kế toán cũng bị dồn vào cuối tháng và đôi khi làm kế toán giá thành phải tập hợp chi phí sản xuất chậm hơn so với yêu cầu gây ảnh hưởng tới việc cung cấp thông tin cho các nhà quản lý.

3.1.2.2 Mô hình kế toán:

Mô hình kế toán của công ty là mô hình kế toán tập trung nên toàn bộ chứng từ phát sinh đều phải tập hợp về phòng Kế toán – tài chính của công ty để kế toán tiến hành ghi sổ. Tuy nhiên do đặc điểm chu chuyển thường xuyên trong xây dựng, các công trình thi công nằm rải rác ở nhiều vùng khác nhau, xa trụ sở của công ty nên việc luân chuyển chứng từ từ các đội sản xuất lên phòng kế toán của công ty bị chậm trễ là điều không tránh khỏi. Điều này làm ảnh hưởng tới công tác hạch toán kế toán, cung cấp thông tin cho lãnh đạo công ty và phần nào ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của công ty. Khối lượng chứng từ nhiều, thường bị dồn vào cuối ký dẫn đến những sai sót không đáng có trong công tác hạch toán chi phí như ghi thiếu, ghi nhầm…

3.1.2.3 Về kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Công ty không tiến hành dự trữ NVL, do đó nhiều khi thiếu nguyên vật liệu, làm giảm tiến độ thi công công trình. Ở công ty việc tiến hành kiểm tra chất lượng NVL không được tiến hành thường xuyên, có thể xảy ra trường hợp mua NVL về không đảm bảo chất lượng yêu cầu dẫn đến sản phẩm xây dựng xong không đạt yêu cầu kĩ thuật phải tiến hành xây dựng lại, như vậy vừa mất thời gian, vừa tốn kém, lại mất uy tín. Việc hạch toán trị giá NVL xuất kho theo

phương pháp thực tế đích danh cần phải theo dõi chính xác giá trị thực tế nhập kho của từng NVL. Tuy nhiên, khối lượng NVL nhiều nên một số NVL xuất kho có trị giá không chính xác, ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí NVL trực tiếp. Cuối kỳ kế toán, chi phí NVL trực tiếp không sử dụng hết nhập kho hoặc có bút toán ghi âm. Do đó, chi phí NVL trực tiếp trong kỳ kế toán hiện tại tăng nhưng kỳ kế toán sau lại giảm mặc dù tổng chi phí vật liệu cho công trình là không đổi. Điều này làm cho chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán không được chính xác.

3.1.2.4 Kế toán chi phí NCTT

Hiện nay công ty chưa thực hiện trích lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất. Khoản mục chi phí này phát sinh khá lớn do đó gây ra biến động về giá thành sản phẩm trong kỳ.

3.1.2.5 Về cán bộ kế toán trong công ty:

Tuy đa số cán bộ trong công ty có trình độ chuyên môn nhưng vẫn còn trẻ chưa có nhiều kinh nghệm làm việc, hơn nữa với điều kiện khoa học công nghệ phát triển như hiện nay thì cần phải được đào tạo lại để kịp thời nắm bắt công nghệ tiên tiến, phù hợp với yêu cầu công việc.

3.2 Sự cần thiết của việc hoàn thành công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Trong nền kinh tế thị trường ngày một phát triển, đặc biệt trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững cần phải biết tự chủ về mọi mặt trong hoạt động SXKD, từ việc đầu tư, sử dụng vốn, tổ chức sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm, đồng thời phải biết tận dụng năng lực, cơ hội để lựa chọn cho mình một hướng đi đúng đắn. Để có được điều đó, một trong những biện pháp được các doanh nghiệp lựa chọn là không ngừng hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Chính vì vậy, trong suốt quá trình sản xuất, quản trị doanh nghiệp cần thu nhập những thông tin về tình hình chi phí so với kết quả đạt được, từ đó đề ra các biện pháp không ngừng giảm bớt chi phí không cần thiết, khai thác tối đa mọi tiềm năng sẵn có về NVL, lao động,…của doanh nghiệp. Những thông tin kinh tế đó không chỉ được xác định bằng phương pháp trực tiếp quan, căn cứ vào sự tồn tại hình thái vật chất của nó mà còn bằng phương pháp ghi chép, tính toán trên sự phản ảnh tính hình chi phí thực tế trên sổ sách. Xét trên góc độ này, kế toán với chức năng cơ bản là công cấp thông tin cho quản lý, đã khẳng định

vai trò không thể thiếu đối với quản trị doanh nghiệp. Là một trong những phần quan trọng cả công tác kế toán, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm với chức năng giám sát, phản ánh trung thực kịp thời các thông tin CPSX phát sinh, tính đúng, tính đủ CPSX vào giá thành sản phẩm sẽ giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các phương án thích hợp giữa SXKD và xác định giá bán sản phẩm, đảm bảo SXKD có hiệu quả, là cơ sở để doanh nghiệp đưa ra quyết định quản lý. Do đó, hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và phân hệ kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm nói riêng nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho quản lý là việc làm thực sự cần thiết và có ý nghĩa chiến lược trong sự phát triển của mỗi DN.

3.3 Một số kiến nghị và đề xuất.

3.3.1. Kiến nghị 1: Về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại công ty TNHH MTV cầu, phà Quảng Ninh

Sử dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và đặc biệt đảm bảo cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác, góp phần đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác kế toán nói riêng cũng như công tác quản lý nói chung.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT- BTC của Bộ Tài Chính ngày 24/11/2005 về việc "Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán". Hoặc công ty có thể đi mua phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FASTcủa công ty cổ phần FAST.
- Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán SASINNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm kế toán ASOFT của công ty giải pháp phần mềm ASOFT.
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN
- Phần mềm kế toán EFFECT của công ty cổ phần EFFECT
- Phần mềm kế toán Bravo của công ty cổ phần Bravo.

Khi trang bị phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để có thể sử dụng thành thạo, khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.việc sử dụng thành công phần mềm sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, sai

sót đồng thời lưu trữ, bảo quản số liệu thuận lợi và an toàn.

3.3.2. Kiến nghị 2: Tiến hành trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp:

Nội dung bảo hành công trình bao gồm: khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra. Xuất phát từ các đặc điểm của ngành xây lắp là sản phẩm mang tính đơn chiếc, khối lượng lớn, giá trị sử dụng lâu dài, chỉ có thể nhận biết được chất lượng của công trình sau khi bàn giao và đưa vào sử dụng, thời hạn bảo hành dài thường là 12 tháng, 24 tháng hoặc dài hơn(tùy từng công trình). Vì vậy, việc lập dự phòng về bảo hành công trình xây lắp phải được tính toán một cách chặt chẽ (lập dự toán chi phí trích trước). Thực tế, Công ty không trích lập dự phòng các khoản chi phí này do đó khi các khoản chi phí này phát sinh sẽ làm tăng chi phí bất thường và giảm lợi nhuận trong kỳ của Công ty. Nhằm giảm bớt và loại bỏ sự bất ổn của chi phí các kỳ sản xuất kinh doanh, "tạo nguồn" dự phòng để các chi phí này khi phát sinh không ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, dự phòng rủi ro: kế toán nên tiến hành trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp.

Khi trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình ghi:

Nợ TK 627:

Có TK 352:

Khi phát sinh chi phí bảo hành công trình:

Nợ TK 621, 622, 623, 627:

Nợ TK 133:

Có TK 111, 112, 152:

Cuối kỳ kết chuyển:

Nợ TK 154:

Có TK 621, 622, 623, 627:

Khi công việc bảo hành hoàn thành, bàn giao:

Nợ TK 352:

Có TK 154:

Nếu số trích lập dự phòng lớn hơn chi phí bảo hành thực tế và công trình đã hết thời hạn bảo hành thì phải hoàn nhập số dự phòng đã lập:

Nợ TK 352:

Có TK 711:

3.3.3. Kiến nghị 3: Về việc lập sổ sách theo đúng chuẩn mực

Công ty lập chứng từ ghi sổ dựa vào chứng từ gốc. Sau đó cho thẳng vào chứng từ ghi sổ không tiến hành phân loại dựa vào bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại trong kỳ. Sau đó mới đưa vào chứng từ ghi sổ. Gây khó khăn trong việc ghi sổ, lộn xộn, dễ nhầm lẫn.

Để dễ dàng hơn trong việc ghi sổ, phân loại chứng từ. Kế toán công ty có thể lập bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại theo mẫu tham khảo sau:

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Loại chứng từ: …

Chứng từ		**Diễn giải**	**Số tiền**	**Ghi nợ (có) các TK**				
SH	**NT**			**…**	**…**	**…**	**…**	**…**

3.3.4. Kiến nghị 4: Hạch toán chi phí nguyên vật liệu

Việc mua nguyên vật liệu đã được tính toán theo dự toán và kế hoạch thi công nhưng thực tế số vật liệu cuối kỳ còn lại tại các công trình do chưa sử dụng hết cũng chiếm một lượng không nhỏ, do đó chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ có thể chưa được phản ánh chính xác.

Kế toán công ty cần yêu cầu các nhân viên thống kê đội lập bảng kê vật liệu thừa chưa sử dụng hết ở công trình để có căn cứ phản ánh chính xác hơn chi phí NVLTT thực tế phát sinh.

Để lập bảng kê này, nhân viên thống kê đội cùng cán bộ kỹ thuật tiến hành kiểm kê xác định khối lượng vật liệu còn lại tại công trường để tiến hành tính toán ghi vào bảng kê. Bảng kê được lập theo từng công trình hoặc hạng mục công trình tại thời điểm hoàn thành. Công việc này cũng có thể thực hiện vào cuối tháng (nếu điều kiện cho phép). Bảng kê NVL còn lại cuối kỳ có thể lập theo mẫu tham khảo sau:

Công ty TNHH MTV Cầu, phà Quảng Ninh

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU CÒN LẠI CUỐI KỲ

Công trình: ……

Ngày….. tháng…năm……..

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng					

Đồng thời cần có các biện pháp nhằm khuyến khích việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu, chú trọng công tác thu hồi vật tư thừa, phế liệu nhập kho nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Để khuyến khích việc sử dụng tiết kiệm NVL, công ty nên có chế độ thưởng, phạt nghiêm minh đối với những công nhân sử dụng tiết kiệm hay lãng phí NVL. Thường xuyên quan tâm chú ý nhắc nhở người lao động nên có ý thức tiết kiệm trong lao động. Đây cũng là một biện pháp tích cực nhằm hạ giá thành sản phẩm

3.3.5. Kiến nghị 5: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất

Nếu không tiến hành theo dõi các khoản thiệt hại trong sản xuất sẽ dẫn tới một số hạn chế trong việc quản lý chi phí và quản lý lao động như khó có thể thu hồi khoản bồi thường thiệt hại, không giáo dục được ý thức cẩn trọng trong lao động của công nhân... Để tránh tình trạng này xảy ra Công ty nên tiến hành hạch toán các khoản chi phí thiệt hại này căn cứ vào từng nguyên nhân cụ thể. Có như vậy mới hạn chế và khắc phục, kiểm soát và quản lý được các khoản thiệt hại và đảm bảo độ chính xác của giá thành sản phẩm.

*** Thiệt hại về sản phẩm hỏng:**

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không thoả mãn các tiêu chuẩn về chất lượng và đặc điểm kỹ thuật... Thiệt hại về sản phẩm hỏng của công ty bao gồm: thiệt hại về sửa chữa sản phẩm hỏng và thiệt hại phá đi làm lại. Trong đó thiệt hại về sản phẩm hỏng nếu có chủ yếu là thiệt hại về sửa chữa sản phẩm hỏng. Hiện nay Công ty hạch toán phần thiệt hại này vào chi phí sản xuất chung làm tăng giá thành sản phẩm. Vì vậy trước khi hạch toán khoản thiệt hại này Công ty

nên tìm hiểu nguyên nhân của sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý:

- Nếudo lỗi bên A gây ra (Ví dụ như chủ đầu tư thay đổi thiết kế, kết cấu công trình): bên A phải bồi thường thiệt hại
- Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động thì tổ đội thi công phải chịu trách nhiệm, đồng thời phải theo dõi khoản thu hồi.
- Nếu sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì phải xử lý ngay để không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- Nếu do sự kiện khách quan: Thiên tai, hoả hoạn…phải theo dõi chờ xử lý và sau đó căn cứ vào quyết định xử lý để tính vào chi phí bất thường…

Tuỳ theo mức độ mà sản phẩm hỏng được chia làm hai loại:

- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

- Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

**** Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được:***

Để hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất kế toán sử dụng các tài khoản như quá trình sản xuất sản phẩm: 138, 621, 622, 623, 627, 154.

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

   Nợ TK 1381:

   Có TK 154:
2. Các chi phí phát sinh cho quá trình sửa chữa sản phẩm hỏng

   Nợ TK 621: (chi tiết sản phẩm hỏng)

   Có TK 152:

   Nợ TK 622: (chi tiết sản phẩm hỏng)

   Có TK 334, 338:

   Nợ TK 623: (chi tiết sản phẩm hỏng)

   Có TK 152, 334, 214, 111….

   Nợ TK 627: (chi tiết sản phẩm hỏng)

   Có TK 152, 334, 214, 111….
3. Khi sửa chữa xong kết chuyển chi phí sửa chữa vào tài khoản 138

   Nợ TK 1381: (chi tiết sửa chữa sản phẩm hỏng)

   Có TK 621, 622, 627:

4. Cuối kỳ xử lý thiệt hại

a. Đối với sản phẩm hỏng trong định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112: phần phế liệu thu hồi

Nợ TK 154 (chi tiết SXC): phần được tính vào giá thành sản phẩm

Có TK 1381: (chi tiết sản phẩm hỏng)

b.Đối với sản phẩm hỏng ngoài định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112 phần phế liệu thu hồi

Nợ TK 811: phần được tính vào chi phí khác

Nợ TK 138 (1388): phần bồi thường phải thu

Nợ TK 334: phần được tính trừ vào lương công nhân viên

Có TK 1381: (chi tiết sản phẩm hỏng)

**** Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được:***

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng phá đi làm lại (SP hỏng không thể sửa chữa được).

Có TK 154:

2. Xử lý thiệt hại phá đi làm lại:

Nợ TK 1388: số phải thu về các khoản bồi thường.

Nợ TK 152: Giá trị phế liệu, vật liệu thu hồi nếu có.

Nợ TK 334: khoản bồi thường do lỗi người lao động trừ vào lương.

Nợ TK 811: khoản thiệt hại phá đi làm lại tính vào chi phí khác.

Có TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng phá đi làm lại (SP hỏng không thể sửa chữa được).

3.3.6. Kiến nghị 6: Về việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí sử dụng máy thi công:

Hiện tại công ty lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình là tiêu thức "***giá thành dự toán".*** Xuất phát từ sự đa dạng trong sản phẩm xây lắp của công ty đó là bao gồm các loại công trình từ sửa chữa, xây mới, các công trình thi công có độ khó và kỹ thuật phức tạp khác nhau…..nên mức độ và nhu cầu sử dụng máy thi công là rất khác nhau, vì vậy công ty lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình là "giá thành dự toán" là chưa hợp lý và

chính xác. Theo em, công ty nên phân bổ chi phí sử dụng máy thi công theo tiêu thức số ca máy phục vụ cho từng công trình (số liệu về các ca máy phục vụ cho từng công trình sẽ được lấy từ bảng lịch trình ca máy) vì như thế mới phản ánh được chính xác chi phí máy thi công sử dụng cho từng công trình.

Công thức phân bổ như sau:

$$\textit{Chi phí sử dụng máy thi công phân bổ cho công trình A} = \frac{\textit{Tổng chi phí sử dụng máy thi công}}{\textit{Tổng số ca máy sử dụng cho các công trình trong tháng}} \times \textit{Số ca máy sử dụng cho công trình A}$$

Với cách làm trên, công ty sẽ phản ánh được chi phí sử dụng máy thi công phân bổ cho từng công trình một cách chính xác, từ đó góp phần phản ánh chính xác hơn giá thành của mỗi công trình.

KẾT LUẬN

Ngành xây dựng cơ bản là một ngành đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Do tình hình đất nước có nhiều biến đổi và do yêu cầu phát triển kinh tế nên các khu công nghiệp, các khu chung cư, đường giao thông, các cầu cảng…được xây dựng ngày càng nhiều với chất lượng ngày càng cao. Điều đó thể hiện tầm quan trọng của ngành xây dựng cũng như sự lớn mạnh của nó. Do đó, kế toán trong các doanh nghiệp xây dựng cơ bản cũng đóng vai trò hết sức quan trọng. Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh, em đã tìm hiểu được về thực trạng công tác kế toán của công ty và được nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tế phần hành kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty em thực sự nhận thức được rằng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp xây dựng cơ bản. Trong nền kinh tế nhiều thành phần do cơ chế thị trường như hiện nay, việc doanh nghiệp xây dựng cơ bản hạch toán đúng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp cho doanh nghiệp có cái nhìn đúng đắn về thực trạng khả năng của doanh nghiệp mình, từ đó có những biện pháp thúc đẩy quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đạt tới hiệu quả cao nhất. Do đó, việc thực hiện tốt công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nói riêng trong doanh nghiệp xây dựng cơ bản sẽ giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đơn giản hơn, giúp doanh nghiệp có sự phát triển cân đối và cạnh tranh lành mạnh.

Cuối cùng em xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới Ths. Phạm Văn Tưởng và các cô chú Phòng Tài chính kế toán tại công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh đã tạo điều kiện cho em được tìm hiểu giữa lý luận và thực tế để hoàn thành bài viết này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hạ Long, ngày 22 tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Yến

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 ***Bài giảng môn tổ chức hạch toán kế toán.***

2 ***Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp.***

3 ***Giáo trình kế toán quản trị.***

4 ***Sách tổ chức hạch toán kế toán trong các đơn vị xây lắp.***

5 ***Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh.***

6 ***Tạp chí kế toán, tạp chí kiểm toán.***

7 ***Tài liệu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH 1 thành viên cầu, phà Quảng Ninh***

8 ***Báo cáo tài chính của Công ty***

9 ***http://ketoan.com.vn***

10 ***Quyết định 15/2006***

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Nguyên nghĩa	Kí hiệu viết tắt
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn	Công ty TNHH
2	Một thành viên	MTV
3	Ủy ban nhân dân	UBND
4	Sản xuất kinh doanh	SXKD
5	Nguyên vật liệu	NVL
6	Xây dựng cơ bản	XDCB
7	Tài sản cố định	TSCĐ
8	Bảo hiểm xã hội	BHXH
9	Báo cáo tài chính	BCTC
10	Giá trị gia tăng	GTGT
11	Sản xuất kinh doanh	SXKD
12	Bảo hiểm y tế	BHYT
13	Kinh phí công đoàn	KPCĐ
14	Nguyên vật liệu trực tiếp	NVLTT
15	Nhân công trực tiếp	NCTT
16	Máy thi công	MTC
17	Sản xuất chung	SXC
18	Chứng từ ghi sổ	CTGS
19	Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ	Sổ ĐKCT
20	Bảo hiểm thất nghiệp	BHTN
21	Nghiệp vụ kinh tế phát sinh	NVKTPS

PHỤ LỤC

Công ty TNHH MTV cầu, phà QN **Mẫu số: S02b – DN**

Địa chỉ*: *Số 1, Lê Thánh Tông, Hồng Gai, *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC*

TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh *Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/03/2012 đến ngày 31/03/2012

Chứng từ ghi sổ		**Diễn giải**	**Số tiền**
Số hiệu	NT		
1	31/3	Mua dây thép buộc dùng ngay cho thi công	**9.000.000**
1	31/3	Mua que hàn dùng ngay cho thi công	**16.200.000**
2	31/3	Xuất kho xi măng dùng cho thi công	**490.000.000**
2	31/3	Xuất kho thép dùng cho thi công	**425.004.500**
2	31/3	Xuất kho cát dùng cho thi công	**140.000.000**
3	31/3	Thanh toán lương nhân viên thuê ngoài	**106.370.000**
3	31/3	Thanh toán lương nhân viên xây lắp	**33.118.500**
3	31/3	Thanh toán lương nhân viên lái máy	**14.077.120**
4	31/3	Chi phí khấu hao	**7.105.860**
4	31/3	Chi phí NVL phục vụ máy thi công	**9.000.000**
5	31/3	Thanh toán lương nhân viên quản lý	**4.461.128**
5	31/3	Trích lương nhân viên quản lý, CN lái MTC	**4.263.797**
5	31/3	Chi phí dịch vụ mua ngoài	**2.270.000**
6	31/3	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	**2.340.220.864**
6	31/3	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	**340.000.000**
6	31/3	Kết chuyển chi phí máy thi công	**30.182.980**
6	31/3	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	**33.940.232**
		Tổng cộng	**4.005.214.981**

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(ký, ghi rõ họ tên) *(ký, ghi rõ họ tên)* *(ký, ghi rõ họ tên)*